

ẢI NAM QUAN TRONG LỊCH SỬ

(Trích từ Ải Nam Quan sẽ xuất bản)

Trần Gia Phụng

1.- VỊ TRÍ VÀ KIẾN TRÚC

Theo *Đại Nam nhất thống chí*, bộ sách địa lý toàn quốc sau khi vua Gia Long (trị vì 1802-1819) thống nhất đất nước, do Quốc sử quán triều Nguyễn soạn xong dưới triều vua Tự Đức (trị vì 1847-1883), ải Nam Quan “cách tỉnh thành [Lạng Sơn] 31 dặm về phía bắc, [1] thuộc châu Văn Uyên, phía bắc giáp châu Bằng Tường tỉnh Quảng Tây nước Thanh, tức là chỗ mà người Thanh gọi Trấn Nam Quan. Cửa này dựng từ năm Gia Tĩnh nhà Minh, [2] đến năm Ung Chính thứ 3 [1725] nhà Thanh, [3] án sát tỉnh Quảng Tây là Cam Nhữ Lai tu bổ lại có tên nữa là “Đại Nam Quan”, phía đông là một dải núi đất, phía tây là một dải núi đá, đều dựa theo chân núi xây gạch làm tường, gồm 119 trượng, [4] cửa quan đặt ở quãng giữa có biển đề “Trấn Nam Quan”, dựng từ năm Ung Chính thứ 6 [1728] triều Thanh, có một cửa, có khóa, chỉ khi nào có công việc của sứ bộ mới mở. Bên trên cửa có trùng đài, biển đề 4 chữ “Trung ngoại nhất gia”, dựng từ năm tân sửu [1781] đời Càn Long nhà Thanh. [5] Phía bắc cửa có “Chiêu đức đài”, đằng sau đài có “Đình tham đường” (nhà giữ ngựa) của nước Thanh; phía nam có “Ngưỡng đức đài” của nước ta, bên tả bên hữu, có hai dãy hành lang, mỗi khi sứ bộ đến cửa quan thì dùng chỗ này làm nơi tạm nghỉ.” (6)

Sau khi mô tả ải Nam Quan, các sử quan nhà Nguyễn đã đưa ra nhận xét như sau: “Trấn Nam Quan không rõ bắt đầu từ triều đại nào, trong Nam sử cũng như Bắc sử đều không có mình văn. Khoảng đời Lê Cảnh Hưng, [7] đốc trấn Lạng Sơn Nguyễn Trọng Đàng sửa lại

“Ngưỡng đức đài”, lập bia ghi việc đại lược nói: “Nước Việt ta có Ngũ Lĩnh, quan ải trước ở đâu không rõ, là vì diên cách thế nào không ghi đủ. Gần đây, lấy địa giới châu Văn Uyên trấn Lạng Sơn làm cửa quan, cửa quan có “Ngưỡng đức đài” không rõ dựng từ năm nào, có lẽ bắt đầu từ đời Gia Tĩnh nhà Minh.” Văn bia ấy nay vẫn còn.” (8)

Dựa theo văn bản trên đây của nhà Nguyễn, ải Nam Quan gồm hai phần kiến trúc: Thứ nhất, phần kiến trúc do chính quyền Trung Hoa xây dựng từ thế kỷ 16 gồm có cửa quan và những cơ sở phụ thuộc phía bắc ải (phía ngoài ải nếu nhìn từ Việt Nam). Thứ nhì, phần kiến trúc do chính quyền Đại Việt xây dựng phía nam ải (phía trong ải nếu nhìn từ Việt Nam), gồm có “Ngưỡng đức đài” và hai dãy hành lang tả hữu, và có bia được lập vào thế kỷ 18 ghi địa giới hai nước.

Danh từ “Nam Quan” do triều đình Trung Hoa đặt, có nghĩa là cánh cửa mở xuống hay đi xuống phía nam. Chữ “Đại Nam Quan” do án sát tỉnh Quảng Tây (Trung Hoa) Cam Nhữ Lai đặt năm 1725 có thể có hai nghĩa: thứ nhất là cửa ải lớn về phương Nam; thứ nhì là cửa ải đi vào nước Đại Nam. Lúc đó, nước chúng ta chưa có quốc hiệu Đại Nam. Quốc hiệu này chỉ xuất hiện năm 1838 dưới đời vua Minh Mạng (trị vì 1820-1840). Do đó, chữ “Đại Nam Quan” có lẽ chỉ là cánh cửa lớn đi về phương Nam, vì lúc đó, ngoài Đại Nam Quan, còn có nhiều cửa khác nữa, mà không lớn bằng. Về phía nước ta, các bộ chính sử như *Đại Việt sử ký toàn thư* hay *Khâm Định Việt sử thông giám cương mục* đều không gọi ải này

là ải Nam Quan mà chỉ gọi là ải Pha Luỹ. Có thể đây là vấn đề quốc thể vì “Nam Quan” là chữ do Trung Hoa đặt, và cũng có thể lúc đó từ “Nam Quan” chưa được đặt ra.(9)

Có lẽ cần chú ý, khi xây dựng cửa ải Nam Quan, chẳng những triều đình Trung Hoa chính thức xác nhận đây là biên giới phía nam của nước Trung Hoa, mà còn để bảo vệ biên giới của Trung Hoa, chống lại sự tấn công hay xâm nhập của Đại Việt, giống như Nhận Môn Quan (10) vừa để đánh dấu cửa ải cực bắc Trung Hoa, vừa để ngăn ngừa những cuộc đột kích của các dân tộc phương bắc.

Đến thời chế độ cộng sản, Mao Trạch Đông (Mao Zedong, 1893-1976) đổi tên ải Nam Quan thành “Mục Nam Quan” (cửa để hòa thuận với phương nam), còn Hồ Chí Minh (1890?-1969) thì gọi là “Hữu Nghị Quan”(cửa hữu nghị),(11) nhưng hữu nghị như thế nào, ngày nay vừa mới có câu trả lời qua *Hiệp ước về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc* ngày 30-12-1999.

2.- SỰ QUAN TRỌNG CỦA ẢI NAM QUAN

Những nhà cầm quyền Trung Hoa nhiều lần đưa quân sang xâm lược nước ta, nhất là trong những lúc nước ta loạn lạc, suy yếu. Quân đội xâm lược Trung Hoa tiến sang nước ta bằng hai đường: đường biển và đường bộ.

Trên biển, năm 938, vua Nam Hán(12) là Lưu Cung sai con là Hoàng Tháo mang chiến thuyền vượt biển, theo sông Bạch Đằng (13) tiến vào nội địa nước ta, đã bị Ngô Quyền phục binh chặn đánh. Hoàng Tháo tử trận; Lưu Cung phải ra lệnh bãi binh. Về sau, các đoàn quân xâm lược Trung Hoa cũng có dùng đường biển, nhưng chỉ là mũi tấn công phụ bên cạnh đường bộ. Ngày xưa, vũ khí thô sơ, không có xe cộ tàu bè hiện đại, ghe thuyền

đường biển chỉ để vận lương và chở bộ binh, chứ khó đưa được ngựa sử dụng trong kỵ binh.

Trên bộ, núi non trùng điệp giăng ngang biên giới giữa hai nước. Chỉ có một cuộc hành quân duy nhất dọc duyên hải do Mã Viện (Ma Yuan, 14 TCN – 49) thực hiện năm 41, khi ông vâng lệnh Hán Quang Vũ (Han Kuangwu/ Han Guangwu, trị vì 25-57) đem quân sang đánh Hai Bà Trưng. Mã Viện đi dọc theo bờ biển Quảng Đông, xuống bờ biển cổ Việt, rồi xuyên qua núi non vùng Đông Triều, tiến về phía tây, tấn công Hai Bà Trưng tại Mê Linh, Châu Diên (vùng Phúc Yên, Sơn Tây ngày nay).(14)

Con đường này xa mà không tránh được núi non, nên về sau các nhà quân sự Trung Hoa chọn con đường tương đối thuận lợi là các thung lũng chạy dọc theo các dòng sông, từ Trung Hoa qua Việt Nam giữa biên giới hai nước.

Có hai con đường chánh: Thứ nhất, từ Tư Minh, Bằng Tường (Quảng Châu, Trung Hoa), theo thung lũng các sông nhỏ như Bằng Giang, Kỳ Cùng, vào Lạng Sơn, xuống thung lũng sông Thương, đến Bắc Ninh, tiến qua Thăng Long. Thứ nhì, từ Vân Nam, theo thung lũng sông Hồng, xuống Thăng Long. Đường thứ nhì núi non hiểm trở, dài hơn và khó đi hơn đường thứ nhất, nghĩa là đường thung lũng sông Hồng không thuận tiện bằng đường thung lũng sông Thương.

Như thế, Lạng Sơn nằm ngay trên con đường chiến lược quan trọng chính của những cuộc hành quân xâm lăng của Trung Hoa tiến vào Việt Nam. Muốn tiến vào Lạng Sơn, quân đội bắc phương phải tiến ngang qua một ngọn đèo, và trên ngọn đèo đó là ải Nam Quan. ải Nam Quan nằm ở địa đầu của Lạng Sơn, là tiền đồn ngăn chặn những cuộc xâm lăng từ bắc phương và cũng là chiến địa của những

trận giao tranh đẫm máu, ghi dấu những chiến tích lẫy lừng của quân dân Việt Nam.

Xin hãy chú ý đến cách mô tả địa thế ải Nam Quan trong *Đại Nam nhất thống chí*: "... phía đông là một dải núi đất, phía tây là một dải núi đá, đều dựa theo chân núi xây gạch làm tường..." Hai bên là hai dãy núi, ở giữa là lối đi qua ải, phía bắc chính quyền Trung Hoa xây công sự, phía nam, là các công trình kiến trúc nước ta. Đó là con đường đèo chật hẹp, nếu chặn ngay tại đường đèo này, nghĩa là chặn ngay cửa ải, thì bắc phương rất khó tiến quân.

* Cuộc tiến quân xâm lăng bằng đường Lạng Sơn đầu tiên diễn ra năm 981. Nguyên vào năm 979, Đinh Bộ Lĩnh (trị vì 968-979) bị ám sát, con là Đinh Tuệ, mới 6 tuổi lên ngôi tức Đinh Phế Đế (trị vì 979-980). Nhận thấy tình hình Đại Cồ Việt xáo trộn, năm 980 vua Trung Hoa là Tống Thái Tông (trị vì 976-997) phong cho Hầu Nhân Bảo làm Giao Châu thủy lục chuyển vận sứ, còn các tướng Tôn Toàn Hưng, Trần Khâm Tộ, Lưu Trưng, Giả Thực làm binh mã đô bộ thự; tất cả sửa soạn quân lương lên đường sang xâm lấn Đại Cồ Việt. Quân Tống chia làm hai đường thủy bộ tiến vào nước ta năm 981 (tân ty). Đường bộ do Hầu Nhân Bảo cùng Tôn Toàn Hưng tiến theo ngả Lạng Sơn, còn đường thủy do Trần Khâm Tộ và Lưu Trưng từ mặt biển tiến vào bằng đường sông Bạch Đằng.

Nhân cơ hội này, Lê Hoàn tổ chức đảo chánh, tự mình lên làm vua (trị vì 980-1005). Nhà vua tự làm đại tướng cầm quân chống giặc, cũng chia quân làm hai hướng để ngăn cản đường tiến quân của nhà Tống. Sử sách chỉ viết rằng Hầu Nhân Bảo bị phục kích ở ải Chi Lăng (Lạng Sơn). Trước khi muốn tiến đến Chi Lăng, có thể phải qua ải Nam Quan. Hầu Nhân Bảo trúng kế trá hàng, bị bắt giết.

Quân Việt phản công mạnh mẽ, quân Tống thiệt hại nặng, hai bộ tướng của Hầu Nhân Bảo là Quách Quân Biện và Triệu Phụng Huân bị bắt. Sau trận Chi Lăng, các lực lượng thủy bộ của nhà Tống đều rút lui.

* Việc giao thiệp giữa Đại Việt và Trung Hoa càng thẳng trở lại khi tể tướng nhà Tống là Vương An Thạch (1021-1086) muốn mưu tìm một chiến công ở ngoài biên cương để hỗ trợ chính sách cải cách ở trong nước của ông ta. Triều đình nhà Lý ở Đại Việt dò biết được những chuẩn bị của Trung Hoa, gửi thư sang hỏi nhà Tống, thì bị đùn đi. Do đó, vào cuối năm 1075 qua đầu năm 1076, triều đình Đại Việt quyết định cử Lý Thường Kiệt (1019-1105) và Tôn Đản đem mười vạn quân theo hai đường thủy bộ tấn công trước, đánh phá Khâm Châu và Liêm Châu (thuộc Quảng Đông ngày nay), Ung Châu (tức Nam Ninh thuộc Quảng Tây ngày nay), lấy cửa rồi rút lui.

Tháng chạp năm bính thìn (qua đầu năm 1077), vua Trung Hoa là Tống Thần Tông (trị vì 1067-1085) sai Quách Quỳ làm Chiêu thảo sứ và Triệu Tiết làm phó chiêu thảo sứ, đem quân sang trả thù, đồng thời ước hẹn với Chiêm Thành và Chân Lạp (Chen-la tức Cambodia) cùng một lần đem quân đánh Đại Việt từ hai mặt. Các bộ chính sử không viết rõ, nhưng theo giáo sư Hoàng Xuân Hãn trong sách *Lý Thường Kiệt*, có thể Quách Quỳ đã qua đường Nam Quan, xuống Chi Lăng để tấn công thủ đô Thăng Long. (15)

Lý Thường Kiệt chặn quân Tống ở sông Như Nguyệt (sông Cầu chảy qua xã Như Nguyệt, Bắc Ninh). Quách Quỳ chuyển quân đến khúc sông Phú Lương (sông Hồng ở Thăng Long). Lý Thường Kiệt tiếp đánh nhưng thế giặc rất mạnh; máy bắn đá của địch phá nhiều chiến thuyền, và làm cho hàng ngàn

binh sĩ nước ta tử trận. Sợ binh sĩ nản lòng, Lý Thường Kiệt phao tin có thần nhân báo mộng cho bốn câu thơ: “*Nam quốc sơn hà nam đế cư, / Tiệt nhiên định phận tại thiên thư. / Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm, / Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.*” (Hoàng Xuân Hãn dịch: “*Sông núi nước Nam vua Nam coi, / Ranh phân định ở sách trời. / Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm, / Bay sẽ tan tành chết sạch toi.*”)

Quân lính Đại Việt nghe được những câu thơ này đều hăng hái đánh giặc. Lực lượng nhà Tống bị chặn đứng. Hai bên cầm cự với nhau bất phân thắng bại. Triều đình nhà Lý đề nghị bãi binh. Nhà Tống thấy khó thắng, đồng thời binh sĩ ở lại lâu không hạ thủy thổ, đành chấp thuận.

* Làm chủ toàn bộ Trung Hoa sau khi vị vua cuối cùng của nhà Tống là Quảng Vương (trị vì 1278-1279) tự tử năm 1279, Hốt Tất Liệt (Qubilai) tức Nguyên Thế Tổ (trị vì 1260-1294) muốn mở mang đế quốc, tìm đường chinh phục các nước Đông Nam Á. Quân Nguyên đã ba lần xâm lăng Đại Việt, trong đó hai lần quân Nguyên tiến qua ải Nam Quan.

Lấy cớ mượn đường xuống Chiêm Thành, ngày 12-7 năm giáp thân (24-8-1284), Nguyên Thế Tổ cử thái tử là Trấn Nam Vương Thoát Hoan (Toyan), với sự phụ tá của tướng A Lý Hải Nha (Ariq-Qaya), cầm quân đánh Đại Việt. Vào đầu 1285, quân Nguyên tấn công Đại Việt bằng ba hướng khác nhau. Thứ nhất, Thoát Hoan dẫn bộ binh tiến vào nước ta bằng đường Lạng Sơn, nhắm chiếm Thăng Long. Thứ nhì, tướng Nạp Tốc Lạt Đinh (Nasirud-Din) dẫn bộ binh từ Vân Nam theo đường sông Chảy đi xuống, và thứ ba, Toa Đô (Sogatu) dẫn thủy quân từ bờ biển Chiêm Thành đánh lên Đại Việt. Ba cánh quân

Nguyên tạo thành thế gọng kềm, giáp công ba mặt, ép quân Việt vào ở giữa.

Trước sức chống trả mãnh liệt của quân dân Đại Việt, quân Nguyên thất bại, Thoát Hoan rút lui cũng bằng đường bộ, qua Vạn Kiếp,(16) thì bị tướng Nguyễn Khoái đồ quân ra tiêu diệt. Các tướng Nguyên phải dùng đồ đồng bao bọc Thoát Hoan, rồi bỏ ông ta lên xe đẩy về biên giới, lại bị tướng Trần Quốc Nghiệm phục binh lần nữa, mới thoát thân.

Nguyên Thế Tổ rất căm giận, ra lệnh động binh trở lại vào tháng 2 năm mậu tuất (1287). Tống chỉ huy quân Nguyên vẫn là Trấn Nam Vương Thoát Hoan, dưới quyền có các tướng Áo Lỗ Xích (Auruyvci), Ô Mã Nhi (Omar), Trình Bằng Phi (một viên tướng nhà Tống đầu hàng nhà Nguyên), Phàn Tiếp, Trương Văn Hồ. Lần này, quân Nguyên cũng tấn công nước ta bằng đường bộ và đường biển. Trên bộ, quân Nguyên chia làm hai cánh: Thoát Hoan từ Quảng Tây tiến xuống Lạng Sơn, và Áo Lỗ (Aruq) từ Vân Nam theo đường sông Hồng tràn qua. Đường biển, Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp dẫn quân đi trước, Trương Văn Hồ chuyên chở lương thực theo sau.

Không khác gì lần trước, quân Nguyên lại thất bại, thủy quân vận lương bị đánh tan ở Vân Đồn (Quảng Yên), Thoát Hoan rút quân bằng đường bộ. Tại cửa ải Nội Bàng,(17) tướng Phạm Ngũ Lão phục binh làm nhiều đoạn, đồ quân ra đánh đuổi Thoát Hoan. Các tướng Trương Quân, A Bát Xích, Trương Ngọc tử trận; chỉ có Thoát Hoan, Trình Bằng Phi và Áo Lỗ Xích trở về được Trung Hoa.

* Năm 1407, gia đình Hồ Quý Ly, Hồ Nguyên Trừng, Hồ Hán Thương bị quân Minh bắt ở Hà Tĩnh. Quân Minh không giết cha con Hồ Quý Ly mà chỉ giải về Trung Hoa. Trong số những vị quan bị giải theo gia đình Hồ Quý Ly, có Nguyễn Ứng Long, tức Nguyễn

Phi Khanh, thân phụ của Nguyễn Trãi. Nguyễn Trãi bị rợn đưa tiễn cha lên tận ải Nam Quan. Tại đây, Nguyễn Phi Khanh nói với con: “*Con phải về nhà mà lo trả thù cho cha, rửa thẹn cho nước, chứ đi theo mà khóc lóc làm gì.*”(18) Sau đó, Nguyễn Trãi đã giúp Lê Lợi kháng chiến chống quân Minh và đạt được thành công năm 1428.

* Tháng 6 năm đinh mùi (1427), nhà Minh cử Quảng Tây Chinh Nam Đại tướng quân Trấn Viễn Hầu Cố Hưng Tổ đem 5 vạn quân từ Quảng Tây sang cứu viện quân Minh đang thất bại trước sức phản công của nghĩa quân Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo. Cố Hưng Tổ đi vào cửa ải Nam Quan (Pha Luỹ), bị hai tướng Trần Lựu và Lê Bôi đánh tan phải chạy về.

Nhà Minh liền cử Tổng binh An Viễn Hầu Liễu Thăng đem 10 vạn tinh binh vượt ải Nam Quan (Pha Luỹ) tháng 9 cùng năm. Trần Lựu liệu thế không chống nổi, phải rút lui về ải Chi Lăng. Tại đây, tướng Lê Sát sai Trần Lựu cầm quân ra trận, rồi giả thua bỏ chạy. Liễu Thăng rượt theo, lọt vào ổ phục binh, bị nghĩa quân giết chết ở núi Mã Yên (tức núi Yên Ngựa).(19)

* Tháng 8 năm canh tý (1540), Thái Tông Mạc Đăng Doanh (trị vì 1530-1540) qua đời, con là Phúc Hải lên thay tức Mạc Hiến Tông (trị vì 1540-1546). Cuối năm đó, nhà Minh cử Cừu Loan và Mao Bá Ôn đem quân đến cửa ải Nam Quan, buộc họ Mạc phải tự đến cửa ải đầu hàng.

Lúc đó, thượng hoàng Thái Tổ Mạc Đăng Dung (trị vì 1527-1529) thay cho cháu (vua Mạc Hiến Tông) lên ải Nam Quan thương thuyết vào tháng 11 năm canh tý (1540). Nội dung cuộc hòa hội này không được ghi chép cụ thể, nhưng chắc chắn trong thế yếu, Mạc Đăng Dung phải chịu nhượng bộ và hối lộ để Mao Bá Ôn chịu thỏa hiệp lui quân.

Về vấn đề biên giới, trong tờ trình lên triều đình nhà Minh ngày 20 tháng 10 năm tân sửu (1451), Mao Bá Ôn viết rằng Mạc Đăng Dung đồng ý “*trả lại đất bốn động đã chiếm.*”(20) Theo lối nói của Mao Bá Ôn, có nghĩa là bốn động đó vốn thuộc Trung Hoa, bị Đại Việt chiếm đóng, nay nhà Mạc chịu trả lại. Tuy nhiên, mục “*Bản kỷ tục biên*” bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* lại viết khác, cho rằng Mạc Đăng Dung đã “*dâng các động Tê Phù, Kim Lạc, Cổ Sâm, Liễu Cát, An Lương, La Phù của châu Vĩnh An, trấn Yên Quảng, xin cho nội thuộc vào Khâm Châu.*”(21) Dầu đã cắt bốn hay năm động của thổ dân giao cho Trung Hoa, nhà Mạc vẫn giữ ải Nam Quan thuộc về Đại Việt.

* Năm 1788, theo lời cầu viện của mẫu thân của Lê Chiêu Thống (trị vì 1786-1789), vua Trung Hoa là Thanh Cao Tông tức Càn Long (Ch'ien-lung / Qianlong, trị vì 1736-1795) cử tổng đốc Lương Quảng là Tôn Sĩ Nghị cầm đại quân sang Đại Việt, đi bằng ba ngã: Tôn Sĩ Nghị cùng Hứa Thế Hanh vào cửa Nam Quan, qua Lạng Sơn đi xuống, Sâm Nghi Đống đi qua đường Cao Bằng, và đề đốc Vân Nam Ô Đại Kinh vào đường Tuyên Quang.(22) Đoàn quân viễn chinh nhà Thanh bị vua Quang Trung (trị vì 1788-1792) đánh tan tác, phải chạy về vào đầu năm kỷ Dậu (1789).

* Từ ngày 17-2-1999, Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa tung trên 200.000 quân tấn công Việt Nam ở sáu tỉnh biên giới: Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh, và đã chiếm được các thị xã Lào Cai, Cao Bằng, Lạng Sơn. Bộ binh Trung Hoa qua Lào Cai bằng thung lũng sông Hồng, qua Cao Bằng theo thung lũng sông Bằng (Bằng Giang), và qua Lạng Sơn theo thung lũng sông Kỳ Cùng, vào ải Nam Quan. Sau khi rút quân

ngày 5-3-1979, quân Trung Hoa vẫn chiếm giữ vùng đất phía nam ải Nam Quan, và trạm hải quan (quan thuế) của Việt Nam phải dời xuống phía nam ải này, sâu trong lãnh thổ nước ta.

Như thế, cho đến cuối thế kỷ 20, ải Nam Quan là cửa ải chính thức phân chia ranh giới giữa hai nước Việt Nam và Trung Hoa. Những cuộc xâm lăng của các triều đình Trung Hoa đều bị đẩy lui. ải Nam Quan trở thành biểu tượng độc lập thiêng liêng của dân tộc Việt Nam. Quốc lộ 1 xuyên suốt từ bắc xuống nam nước ta, bắt đầu từ ải Nam Quan xuống mũi Cà Mau. Khi xây dựng quốc lộ 1, cột mốc đầu tiên đặt ở Nam Quan, được đánh dấu là cột mốc số 0. Những bài học lịch sử hay địa lý Việt Nam đều mở đầu bằng câu: "*Nước Việt Nam trải dài từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau.*"

3.- HAI HIỆP ƯỚC VỀ BIÊN GIỚI

Từ tháng 5-1975, nước Việt Nam do đảng Cộng Sản (CS) cai trị. Đảng CS tổ chức và điều khiển nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN).(23) Từ khi đảng CSVN do Hồ Chí Minh thành lập ở Hương Cảng năm 1930, đảng CSVN dựa vào hai thế lực hậu thuẫn chính: đảng CS Liên Xô và đảng CS Trung Hoa (CSTH). Trung Hoa nắm sát biên giới Việt Nam nên đảng CS nước này đã giúp đỡ hữu hiệu cho đảng CSVN, nhưng lợi bao nhiêu thì cũng sẽ hại bấy nhiêu.

Sau khi chiếm được lục địa Trung Hoa, Mao Trạch Đông tuyên bố thành lập Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa (CHNDTH) ngày 10-10-1949. Từ đó, CHNDTH chẳng những gửi cán bộ, quân đội, vũ khí sang giúp CSVN, mà còn cho quân đội CSVN chạy trốn sang biên giới Trung Hoa khi bị quân đội Quốc Gia

và quân đội Pháp truy đuổi trong cuộc chiến tranh 1946-1954.(24)

CSTH dần dần đưa người đến định cư và tràn lấn qua biên giới Việt Nam. Việt Minh cộng sản đồng lõa với hành động trên, để để trà trộn, lẩn trốn khi lâm nguy. Từ đó, người Hoa hiện diện càng ngày càng đông tại các động hay các làng mạc dọc theo biên giới Hoa Việt. Theo tiết lộ của ông Vũ Khoan, Bộ trưởng Bộ Thương mại Hà Nội, trong bài viết "Mốc mới trong quan hệ Việt Nam – Trung Quốc", đăng trên tạp chí *Cộng Sản*, số Tết Canh Thìn (2000) thì ngay từ lúc đó (1949), đã có "*một số lần... trao đổi y kiến, đàm phán về vấn đề biên giới.*"(25)

Sau khi cưỡng chiếm được miền Nam năm 1975, cộng sản Hà Nội không còn theo chính sách ngoại giao du dây thăng bằng giữa Liên Xô và CHNDTH, mà ngã hẳn về phía Liên Xô. Ngày 27-6-1978, tại Bucharest, thủ đô Romania, CHXHCNVN gia nhập khối COMECON (Council for Mutual Economic Assistance tức Hội đồng Tương trợ Kinh tế).(26) Trong cuộc họp của khối này tại thủ đô Mông Cổ là Oulan Bator từ 27-9 đến 1-10-1978, các nước trong khối COMECON hứa hẹn sẽ giúp CHXHCNVN thực hiện những kế hoạch kinh tế và kỹ nghệ mà CHNDTH bỏ dở.(27) Ngày 3-11-1978, Lê Duẩn (1907-1986, bí thư thứ nhất đảng Lao Động từ 1960 đến 1975, tổng bí thư đảng CS từ 1976-1986) sang Liên Xô và ký với Leonid Brezhnev (1906-1982, bí thư thứ nhất đảng CSLX 1964-1966, tổng bí thư 1966-1982), *Hiệp ước Hai mươi lăm năm Hồ tương và Phòng thủ* giữa hai nước.

Dựa vào hậu thuẫn của Liên Xô, cộng sản Việt Nam xua quân xâm lăng Cambodia, chiếm thủ đô Phnom Penh ngày 7-1-1979. Việc làm này của CSVN nhắm hai mục đích:

đối ngoại là bành trướng ảnh hưởng qua Cambodia để mưu làm bá chủ Đông Dương, và kiếm đường đánh xuống Thái Lan; đối nội là tung các sư đoàn miền Nam qua Cambodia. Các sư đoàn này gồm những thanh niên mới tuyển “nghĩa vụ quân sự” ở miền Nam sau 1975. Tung thanh niên miền Nam qua Cambodia để làm tiêu hao tiềm lực miền Nam, khiến cho dân chúng miền Nam phải lo chuyện chiến tranh, mà không chống đối chính sách thất nhân tâm của Hà Nội.

Nhà cầm quyền Cambodia lúc đó do đảng CSTH đỡ đầu. Viện cố Việt Nam xâm lăng Cambodia, CHNDTH quyết định trả đũa và “dạy” cho Việt Nam một bài học. Bài học này không phải thuần túy vì vấn đề Cambodia. Bài học này còn liên hệ đến ba việc: 1) Thứ nhất, Cambodia là cửa ngõ để CHNDTH tiến xuống Đông Nam Á. Khi Việt Nam xâm chiếm Cambodia, có nghĩa là Việt Nam chặn đứng con đường bành trướng của CHNDTH xuống vùng vịnh Thái Lan để hướng đến các nước tại đây. 2) Thứ nhì, khi bỏ CHNDTH, chạy theo Liên Xô và ký kết hiệp ước 1978, tập đoàn lãnh đạo CS Hà Nội đã mặc nhiên bỏ luôn những cam kết ngầm với CSTH trong lúc nhận những viện trợ to lớn của Trung Hoa để tiến hành hai cuộc chiến 1946-1954 và 1954-1975, mà con số này lên đến 20 tỷ Mỹ kim (xin xem sau). Thứ ba, tuy bề ngoài Hoa Kỳ, Nhật Bản và các nước Đông Nam Á tỏ ra chống lại việc Trung Hoa tấn công Việt Nam, nhưng họ cũng ngầm ngầm đồng tình với Trung Hoa chặn đứng tham vọng quá lớn của CSVN sau khi CSVN chiếm được toàn cõi Việt Nam năm 1975.

Trong lúc CHXHCNVN bước vào cuộc phiêu lưu quân sự ở Cambodia, thì CHNDTH đạt được hai thắng lợi ngoại giao quan trọng: 1) Ngày 12-8-1978, CHNDTH cùng Nhật Bản

ký kết *Hiệp ước Hoà bình Hữu nghị Hoa Nhật* giá trị trong mười năm và sẽ tái tục. Hiệp ước này đã điều hoà thế thăng bằng chiến lược khu vực Đông Bắc Á giữa tứ cường Mỹ, Nhật, Nga, Hoa. 2) Hoa Kỳ chính thức bình thường hoá bang giao với CHNDTH kể từ 1-1-1979, sau đó Đặng Tiểu Bình được đón tiếp nồng nhiệt khi ông viếng thăm Hoa Kỳ từ 28-1 đến 4-2-1979.

Tạm ổn với hai cường quốc Mỹ, Nhật, CHNDTH qua lời của Đặng Tiểu Bình, quyết định sẽ “dạy” cho Việt Nam một bài học. Phải chăng bài học này còn liên hệ đến thế quân bình khu vực Đông Nam Á trước sự hiếu chiến và hung hãn của CHXHCNVN sau năm 1975? Các nhà lãnh đạo CSVN lúc đó đang nuôi tham vọng thống trị Đông Dương và bành trướng xuống các nước vùng vịnh Thái Lan và biển Indonesia.

Ngày 17-2-1979, CHNDTH đưa trên 200.000 quân tấn công CHXHCNVN ở sáu tỉnh biên giới. Có nơi quân CHNDTH tiến sâu vào nội địa Việt Nam 40 cây số. Sau khi phá nát vùng này, (28) quân Trung Hoa rút về ngày 5-3-1979. Điều đáng nói là trong khi đánh nhau, quân CHNDTH đã phá huỷ những cột mốc biên giới có từ thời Pháp thuộc, rồi dựng lại những cột mốc biên giới mới. Trong khi dựng lại, quân cộng sản Trung Hoa đã dời nhiều cột mốc biên giới sâu vào lãnh thổ Việt Nam. Một thông tin mới cho biết “*số cột mốc được được chôn từ thời Pháp-Thanh còn nguyên vẹn (nguyên cả cột lẫn vị trí) trên dưới 50, số cột mốc thời Pháp-Thanh nhưng đã bị dịch vào biên giới Việt Nam 150-170 chiếc, số cột mốc mới Trung Quốc cho lính mang sang đóng trong biên giới Việt Nam 60-70, số thất thoát 15-30.*” (29)

Sau khi chiến tranh chấm dứt, quân đội CSTH vẫn chiếm giữ một số địa điểm hiểm

trở chiến lược trong nội địa Việt Nam. Nói cách khác, quân đội CSTH đã nở rộng biên giới Trung Hoa về phía nam, cũng có nghĩa là Việt Nam mất đi một số đất đai đáng kể. Vì vậy, tại tỉnh Lạng Sơn, trụ sở mới của hải quan (quan thuế) biên giới của Việt Nam phải dời về phía nam “Hữu Nghị Quan” (ải Nam Quan) khoảng hơn nửa cây số.

Về phía Việt Nam, các thành phố vùng biên giới bị phá huỷ, nền kinh tế vốn đã suy yếu, nay trở nên kiệt quệ. Có một điểm quan trọng mà ít được chú ý là số lượng vũ khí khổng lồ do Hoa Kỳ để lại sau năm 1975 tại miền nam Việt Nam, đã bị đốt một phần khi kho đạn Long Bình nổ năm 1976. Phần còn lại đã được đem ra dùng một ít tại chiến trường Cambodia, và hầu như sử dụng gần hết trong khi chống đỡ lực lượng xâm lăng của CHNDTH. Việt Nam không sản xuất được đạn dược vũ khí, lại đang sa lầy ở Cambodia (1979-1991). Liên Xô cũng sa lầy ở Afghanistan (1989-1989), không thể tiếp viện cho Việt Nam như trước nữa. Chính vì vậy mà tiềm năng quân sự của CHXHCNVN không còn mạnh như sau năm 1975.

Đọc theo biên giới Việt Hoa, các thổ dân địa phương sinh sống. Sách sử nước ta thường gọi đây là “đồng” của các bộ tộc ít người. Trong quá khứ, những bộ tộc này thường nghiêng về Đại Việt hay Trung Hoa tùy theo chánh sách của quan lại địa phương. Bên nào nâng đỡ họ thì họ theo. Để thi hành sách lược lấn biên, CHNDTH ve vãn các bộ tộc này và đưa người tràn qua sống lẫn lộn với họ. Trong khi đó, chính sách của nhà nước CHXHCNVN đối với dân chúng thổ cư, các sắc tộc địa phương vùng núi non biên địa, không được hợp lý, thiếu nâng đỡ, nếu không muốn nói là bất công, khiến họ bỏ về phía Trung Hoa. Khi chiến tranh biên giới xảy ra,

họ lại bỏ đất, bỏ làng trốn vào cao nguyên Nam Trung Phần lập nghiệp. Do đó, dọc biên giới Hoa Việt, người Trung Hoa tiến qua sinh sống và khai thác dễ dàng mà không gặp phản ứng của người địa phương.

Tình hình thế giới xoay chuyển mạnh vào cuối thập niên 80, đầu thập niên 90. Chế độ cộng sản tan rã ở các nước Đông Âu vào năm 1989 và 1990 như Ba Lan, Hung Gia Lợi, Bào Gia Lợi, Tiệp Khắc, Đông Đức, Nam Tư ... Sau đó, chế độ cộng sản Liên Xô, hậu thuẫn vững vàng của CHXHCNVN, cũng bị sụp đổ vào năm 1991.

Lúc đó, các nhà lãnh đạo đảng CSVN liền thay đổi chính sách ngoại giao: một mặt cầu thân trở lại với CHNDTH và mặt khác kiếm cách giao hảo với Hoa Kỳ, là nước mà trước đây CSVN đã tố cáo là “tên đế quốc đầu sỏ” trên thế giới, để làm đối trọng với CHNDTH. Đồng thời do những khó khăn về kinh tế, CSVN đưa ra chủ trương mở cửa, trở lại nền kinh tế thị trường, nhưng vẫn cương quyết theo “định hướng xã hội chủ nghĩa”.

Tổng bí thư đảng CSVN là Nguyễn Văn Linh (giữ chức từ 1986-1991), cùng Phạm Văn Đồng (1906-2000), Đỗ Mười, bí mật sang CHNDTH thương thuyết vào tháng 9-1990. Sau đó Đỗ Mười (giữ chức từ 1991-1998), mới lên thay Nguyễn Văn Linh làm tổng bí thư, cùng Võ Văn Kiệt, thủ tướng CSVN, sang Bắc Kinh ngày 5-11-1991 chính thức tái lập bang giao giữa hai nước. “Bài học” mà Đặng Tiểu Bình đã “dạy” cho CSVN nay mới hiệu ứng.

Đang là “đồng chí” với nhau, CHXHCNVN bỏ chạy theo Liên Xô hy vọng vỗ nợ (xù nợ) CHNDTH, bị “dạy” cho một bài học nhớ đời, mà vẫn nhần nhục quay lại cầu thân, thì phải xuống nước, nhượng bộ. Đảng CSVN và nhà cầm quyền CSVN có gì trong tay để nhượng bộ, ngoài một vấn đề

mà từ lâu nay tất cả những nhà cầm quyền Trung Hoa, chứ không riêng gì CSTH, luôn luôn nhắm đến, đó là việc lấn biên, giành đất, giành biển.

Bên cạnh những diễn tiến tình hình bên ngoài, nội bộ của đảng CSVN cũng phức tạp không kém. Các phe phái tranh chấp nhau để giành lấy địa vị lãnh đạo đảng CSVN. Sau khi Lê Duẩn chết năm 1986, Đại hội 6 đảng CSVN trong năm nầy quy định rằng cứ 5 năm tổ chức Đại hội đảng CSVN một lần và bầu lại chức tổng bí thư. Ông Nguyễn Văn Linh giữ chức tổng bí thư từ 1986 đến 1991. Trong Đại hội 7 đảng CSVN năm 1991, ông Đỗ Mười lên thay. Ngang đây, lớp lãnh đạo cũ quá già nua không còn tiếp tục làm việc được nữa. Trong Đại hội 8 đảng CSVN năm 1996, đáng lẽ ông Đỗ Mười rút lui vì tuổi tác nhưng do nội bộ chia rẽ, nên chưa có lãnh tụ mới, phải đến năm 1998, một nhân vật trước đó không mấy tên tuổi là ông Lê Khả Phiêu lên thay ông Đỗ Mười. Mới giữ chức được 3 năm, tại Đại hội 9 năm 2001, ông Lê Khả Phiêu bị thay thế bằng ông Nông Đức Mạnh. Một viên tổng bí thư toàn quyền sinh sát trong tay mà chỉ giữ chức được có 3 năm chứng tỏ nội bộ tranh giành dữ dội. Đảng CSVN trải qua những cơn sóng gió ngầm ngầm, mà cụ thể nhất là Đại hội 9 được dời lui nhiều lần vì nội bộ chưa sắp đặt xong. Cuối cùng CSVN đã chọn một nhân vật ôn hoà trung dung giữa các phe phái là ông Nông Đức Mạnh làm tổng bí thư. Tại Đại hội nầy, người ta ghi nhận sự hiện diện của ông Hồ Cẩm Đào, Phó thủ tướng CHNDTH, mà dư luận cho rằng ông ta có mặt để ủng hộ ông Lê Khả Phiêu, sau khi ông nầy ra lệnh cho bộ máy cầm quyền CSVN ký kết hai hiệp ước trên bộ và trên biển.

Nhân cơ hội đảng CSVN đang nao núng, CHNDTH gây sức ép càng ngày càng lớn đối

với CHXHCNVN. Ở thế bí, lại thêm trước đây Hồ Chí Minh đã từng đồng lõa để cho CSTH tràn lấn miền biên giới, Phạm Văn Đồng đã từng nhìn nhận Hoàng Sa và Trường Sa thuộc lãnh hải Trung Hoa, rồi cuộc chiến 1979 đã tiêu huỷ toàn bộ vùng Cao Bằng, Lạng Sơn, nên ban lãnh đạo mới của đảng CSVN đành phải thuận cắt đất theo sự áp đặt của CSTH để sống còn và duy trì địa vị. Kết quả là hai hiệp ước về biên giới ra đời trong vòng một năm.

Ngày 30-12-1999, tại Hà Nội, bộ trưởng Ngoại giao CHXHCNVN là Nguyễn Mạnh Cẩm và bộ trưởng Ngoại giao CHNDTH là Đường Gia Truyền (Tang Jianxuan) cùng ký *Hiệp ước về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc*. Hiệp ước nầy được quốc hội Bắc Kinh thông qua ngày 29-4-2000 và quốc hội Hà Nội thông qua 9-6-2000. Đặc biệt là khi thông qua hiệp ước biên giới nầy, chỉ một số ít lãnh đạo cao cấp trong quốc hội Hà Nội mới đọc được nội dung hiệp ước, còn đại đa số dân biểu không biết gì cả, chỉ thông qua theo lệnh của đảng CSVN.(30)

Việc chọn lựa Hà Nội làm địa điểm ký kết hiệp ước còn nói lên một sắp đặt ngầm ngầm về ngoại giao, để cho bên ngoài thấy rằng CSVN tình nguyện mời CSTH đến tận nhà (Hà Nội) để ký kết hiệp ước nhượng đất, chứ CSTH không thúc ép CSVN phải qua Bắc Kinh để làm việc nầy.

Ngày 25-12-2000, tại Bắc Kinh, đại diện hai nước Việt Nam và Trung Hoa (chưa tiết lộ danh tánh) đã ký *Hiệp ước phân định lãnh hải*, phân chia quyền lợi trên vịnh Bắc Việt, dưới sự chứng kiến của chủ tịch CHXHCNVN là Trần Đức Lương và chủ tịch CHNDTH là Giang Trạch Dân.(31) Hiệp ước nầy chưa được đưa ra quốc hội hai nước để thông qua.

Ngày 27-12-2001, thủ trưởng Ngoại giao

Hà Nội là Lê Công Phụng cùng với đại sứ CHNDTH tại Hà Nội, đến thị trấn Mông Cái (cửa ngõ Mông Cái - Đông Hưng) thuộc tỉnh Quảng Ninh làm lễ xây CỘT MỐC đánh dấu biên giới mới trên đất liền mà hai bên đã ký kết ngày 30-12-1999. Cùng lúc đó, thứ trưởng ngoại giao CHNDTH là Vương Di (Wang Yi) tham dự một buổi lễ tương tự tại thị trấn Đông Hưng thuộc Trung Hoa. Hai nhà cầm quyền dự tính sẽ đóng khoảng 1500 cột mốc dọc biên giới mới giữa hai bên.(32)

Điểm đặc biệt nữa là các nhà lãnh đạo đảng CSVN đã **giấu kỹ không cho dân chúng biết** nội dung các hiệp ước trên đây trước khi ký, trong khi ký, và sau khi ký, cũng không cho biết ai đã đứng ra ký kết hiệp ước. Phía CHNDTH tiết lộ là ông Nguyễn Mạnh Cẩm đã ký kết *Hiệp ước về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc*, chứ phía Việt Nam không nói gì hết. Cho đến nay, ngoài những kẻ lãnh đạo đảng CSVN, chưa có người Việt Nam nào đọc được văn bản cụ thể về hai hiệp ước đó.

Sự giấu diếm này chứng tỏ có điều gì man trá đằng sau cuộc thương thuyết để phân chia lãnh thổ và lãnh hải. Chắc chắn sự man trá này liên hệ đến quyền lợi riêng tư của một thiểu số lãnh đạo đảng CSVN, mới không công bố cho toàn dân biết.

4.- ẢI NAM QUAN ĐÃ MẮT

a) **Dư luận:** Tuy nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội không cho dân chúng biết nguyên văn hai hiệp ước, nhưng công việc sửa soạn các chi tiết để thi hành hiệp ước, như đóng cột mốc, thông báo cho các đơn vị chuyên môn và hành chánh địa phương vẽ lại bản đồ, đã để lộ ra ngoài một số tin tức quan trọng, từ đó nảy sinh ra những dư luận sau đây:

* Trước Đại hội 9 đảng CSVN (từ 19 đến

22-4-2001), ông Đỗ Việt Sơn, một đảng viên CS lão thành (54 tuổi đảng, 78 tuổi đời), ở số 26/14-125 đường Tô Hiệu, Hải Phòng, đã gửi thư vào tháng 2-2001 công khai đặt vấn đề Việt Nam nhượng bộ quá nhiều cho Trung Quốc trong hai hiệp ước trên, và yêu cầu Quốc hội và Đại hội 9 đảng CSVN công khai thảo luận vấn đề này. Thư này được phổ biến hạn chế, về sau được nhắc lại trong kháng thư ngày 18-11-2001 của 20 cử tri gửi các chức quyền Việt Nam.

* Ngày 18-11-2001, 20 cử tri cùng ký một kháng thư gửi cho các chức quyền trong nước phản đối việc ký kết các hiệp ước trên. Kháng thư mang chữ ký của những đảng viên kỳ cựu như Trần Độ, Hoàng Minh Chính, Phạm Quốc Dương, Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Tiến, Trần Dũng Tiến, Trần Quang Lê, Nguyễn Ngọc Diệp, Bùi Long... Đa số đều trên 50 năm thâm niên trong đảng CSVN. Kháng thư cho biết *Hiệp ước về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc*, phía Việt Nam đã nhượng cho Trung Quốc 720 km² ở hai tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, và *Hiệp ước phân định lãnh hải Vịnh Bắc Việt* như sau: 53,23% cho Việt Nam, và 46,77% cho Trung Quốc.(33)

* Nhà báo Trần Bình Nam, trên tạp chí *Khởi Hành* (California), số 57 tháng 7-2001, cho biết trong chuyến về Việt Nam gần đây, ông lên biên giới, dự định đi xem Hữu Nghị Quan. Khi còn cách biên giới khoảng 100 thước, ông bị viên công an chặn lại và nói cho ông biết cách đó 20 thước là hết biên giới, Hữu Nghị Quan nằm sâu trong đất Trung Quốc, không thể nhìn thấy được.

* Nhà văn Trần Đại Sỹ, hiện cư trú tại Paris, cho biết rằng sau khi hai bên ký kết hiệp ước trên đất liền ngày 30-12-1999, thì vào ngày 9-1-2000, ông được hai người bạn

là hai ký giả Trung Hoa thông báo cho ông biết rằng theo tinh thần hiệp ước mới ký kết, Việt Nam nhượng cho Trung Quốc 789 km², thuộc hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn (chứ không phải 720 km²). Ông Trần Đại Sỹ còn cho biết ông qua Trung Hoa, đến tận Nam Quan thì thấy cửa ải này nằm sâu trong nội địa Trung Hoa.(34)

Nếu tính theo diện tích của toàn thể Việt Nam là 330.000 km² (số tròn), thì diện tích đất mà CSVN đã nhượng cho CPTH (789 km²) lên đến khoảng trên 0.2% (trên 2 phần ngàn). Nếu tính theo diện tích của toàn tỉnh Lạng Sơn là 8.178 km², thì số đất nhượng gần 1/10 diện tích tỉnh Lạng Sơn. Đường biên giới giữa Việt Nam và Trung Hoa dài khoảng 1.300 cây số, trong đó đường biên giới giữa Lạng Sơn và Trung Hoa dài 253 cây số. Nếu tính dọc theo toàn bộ đường biên giới tỉnh này, thì CSVN nhượng cho Trung Hoa trung bình 3 cây số sâu vào nội địa Việt Nam. (253km X 3km = 759km²).

b) Nhà cầm quyền Hà Nội thú nhận: Trước những dư luận càng ngày càng mạnh mẽ, nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội kiếm cách biện minh. Dù đã bào chữa quanh co, cuối cùng CSVN phải công khai thú nhận đã làm mất ải Nam Quan.

Trong tài liệu tuyên truyền được Hà Nội đưa lên mạng lưới thông tin quốc tế (internet), viết dưới hình thức phỏng vấn, do Công Ty Phát Triển Phần Mềm (VASC-Orient) thực hiện ở Hà Nội ngày 28-1-2002, thứ trưởng Ngoại giao CSVN, ông Lê Công Phụng, trưởng đoàn Việt Nam trong cuộc thương thuyết biên giới Việt Hoa, xác nhận ải Nam Quan đã nằm trong vùng đất của CHNDTH.

Đáp câu hỏi về thực tế ải Nam Quan ngày nay của nhân viên VASC, ông Lê Công Phụng

trả lời (nguyên văn) như sau: “*Nếu chúng ta bắt đầu tính biên giới từ chân tường hoặc chia đôi cửa ải Nam Quan thế cũng không được. Còn cột mốc số không – nhân dân Lạng Sơn báo cáo với Trung ương, Chính phủ và các nhà đàm phán rằng cột mốc có từ khi những người già chưa ra đời. Chúng ta tôn trọng cơ sở pháp lý đã có, tôn trọng thực tiễn, nhất là vì lâu nay quản lý đã như vậy. Cho nên hiện nay chúng ta công nhận mục Nam Quan là của Trung Quốc, cách cột mốc số 0 trên 200 m. Tính cột mốc số không về phía Nam là lãnh thổ của Việt Nam. Từ cột mốc số 0 về phía bắc là của Trung quốc.*”(35)

Khi trả lời như thế, ông Lê Công Phụng không cho biết cột mốc số 0 nào? Cột mốc đã dựng đúng vị trí từ năm 1887, hay cũng cột mốc đó mà đã bị di dời sau năm 1979? Ông Lê Công Phụng công nhận kiến trúc Mục Nam Quan là của Trung Quốc chỉ đúng một phần, vì trong đoạn văn đã trích dẫn ở trên, *Đại Nam nhất thống chí* cho biết ải Nam Quan gồm hai phần: phần kiến trúc của Trung Hoa và phần kiến trúc của Việt Nam. Những tấm hình chụp ải Nam Quan trước năm 1945 đều có hình ảnh các kiến trúc này. Trung Hoa tự ý xây dựng cửa ải vừa để ấn định biên giới, vừa để chống lại những cuộc tấn công từ phương nam. Ông Lê Công Phụng và nhóm nghiên cứu biên giới của ông dự biết nhưng cố tình bỏ qua một điều, đó là ải quan “*có một cửa, có khóa, chỉ khi nào có công việc của sứ bộ mới mở...*” tức đường ranh giới giữa hai nước nằm ngay tại cửa đó. Bước qua bên này hay bên kia cửa ải là địa phận hai nước khác nhau.

Ngoài ra, xin lưu ý rằng biên giới thiên nhiên giữa hai nước tại những vùng núi non thường căn cứ trên đường phân thủy. Đường phân thủy là đường nối liền những điểm cao

nhất giữa hai sườn núi. (Nước chảy về bên nào thì thuộc về vùng đất của quốc gia bên đó.) Khi các nhà cầm quyền ngày trước lập ải, phía Việt Nam cũng như phía Trung Hoa, đều đã chọn vị trí cao nhất trên đỉnh đèo (đường phân thủy) làm chỗ phân ranh biên giới. Nay biên giới mới lại lấn xuống vùng bằng phẳng bán bình nguyên phía Việt Nam, là điều đi ngược lại nguyên tắc chung trên thế giới ấn định biên giới giữa hai nước bằng đường phân thủy.

Cả hai điều này, những nhà thương thuyết về biên giới dưới quyền ông Lê Công Phụng và cả chính ông Lê Công Phụng dư biết, nhưng vì cố tình giả vờ quên hai điều này, nên ông Lê Công Phụng mới lý luận rằng: *“Nếu chúng ta bắt đầu tính biên giới từ chân tường hoặc chia đôi của mục Nam Quan thế cũng không được...”*

Việc ông Lê Công Phụng nói rằng CHXHCNVN chỉ lùi biên giới lại có 200 mét còn cần phải kiểm chứng tiếp, vì cho đến nay chưa ai biết cụ thể đây đủ nội dung hiệp ước ngày 30-12-1999. Ở đây có hai câu tục ngữ Việt Nam đối nghịch nhau đều có thể ứng dụng. Phía dư luận có thể *“có ít xích ra nhiều”*. Hoặc vì không biết mà phỏng đoán, hoặc vì chống đối, phía dư luận có thể phóng đại về diện tích đất đã mất. Phía CSVN mà ông Lê Công Phụng đại diện, lại có thể *“tốt khoe xấu che”*; do đó mất nhiều đất mà giảm xuống còn ít. Trong trường hợp này, nếu đúng chỉ có 200 mét như ông Lê Công Phụng tuyên bố, thì tốt nhất nhà cầm quyền CHXHCNVN để cho dân chúng, phóng viên báo chí, quốc nội cũng như quốc tế, tự do lên biên giới “tham quan” (từ ngữ của cộng sản), chụp hình, quay phim hiện trường, để kiểm chứng thực tế chứ cần gì phải giấu diếm? CSVN thường hay tổ chức những cuộc triển lãm “chiến

công” như “Phòng trưng bày tội ác Mỹ Ngụy”, có lẽ cũng nên tổ chức một cuộc triển lãm hình ảnh biên giới Nam Quan cho mọi người biết “thắng lợi” của tình hữu nghị “môi hở răng lạnh” ngoài biên thủy.

Tuy nhiên, cứ giả thiết rằng ông Lê Công Phụng nói đúng, dù chỉ lùi lại 200 mét, có nghĩa là mất 200m đất, và còn có nghĩa là những cơ sở kiến trúc của nước ta thời Lê Cảnh Hưng tại ngay mặt nam của ải Nam Quan cũng đã thật sự mất rồi. Đây là lời thú nhận công khai chính thức đầu tiên của một viên chức cầm quyền cộng sản Hà Nội.

Ngoài giá trị lịch sử đối với dân tộc, ải Nam Quan còn giữ một vị trí chiến lược rất quan trọng trong việc phòng thủ biên giới. Thời đại ngày nay là thời đại nguyên tử, vũ khí chiến tranh tối tân, hiện đại. Tuy nhiên, trong những cuộc đụng độ địa phương, và nhất là trong trận địa chiến, địa hình chiến sự vẫn giữ một vai trò quan trọng trong cách bố trí chiến đấu. Như trên đã nói, qua cách mô tả trong *Đại Nam nhất thống chí*, địa thế ải Nam Quan rất hiểm trở, chỉ có một đường đèo nhỏ hẹp, nằm giữa hai bên là hai dãy núi. ải Nam Quan và vùng đất hiểm trở phía bắc sông Kỳ Cùng giữ vị trí và địa thế quân sự chiến lược như là một tiền đồn vững vàng ở địa đầu đất nước để chống lại những cuộc hành quân trên bộ từ phía bắc xuống, hay ít ra cũng làm chậm lại bước tiến của địch thủ. Những nhà chuyên môn về quân sự cho rằng chỉ cần bố trí một ít quân với trọng pháo yểm trợ ngay tại khúc đèo ải Nam Quan, là có thể gây trở ngại đáng kể các cuộc tiến quân của cường địch bắc phương.

Trong cuộc chiến năm 1979, quân CHNDTH tấn công 6 tỉnh biên giới, nhưng chỉ tràn ngập đông đảo chiếm 3 thị xã Lào Cai, Cao Bằng, Lạng Sơn vì ba vùng này có

thung lũng chạy dọc theo các dòng sông nên dễ chuyển quân. Trong ba thị xã trên đây, Lạng Sơn gần Hà Nội nhất và dễ xuống Hà Nội theo đường sông Thương. Đường bộ từ tỉnh lỵ Lạng Sơn về tới Hà Nội dài dưới 160 km. Với phương tiện giao thông đường bộ ngày nay, vượt qua đoạn đường này chỉ cần vài giờ đồng hồ. Nếu chuyển quân với trang bị đầy đủ cũng chẳng tốn nhiều thời gian.

Do đó, vị trí chiến lược ải Nam Quan vô cùng quan trọng cho sự phòng thủ Hà Nội. Nay nhà cầm quyền Trung Hoa chiếm được cửa ải Nam Quan, nghĩa là chiếm được đoạn đèo thông thương bắc nam tại vùng này. Bước qua ải Nam Quan, chiếm lĩnh phần đất bên này ngọn đèo, người Trung Hoa chẳng những khỏi tốn công vượt đèo, mà còn có thể bố trí cơ sở quân sự từ đó phóng đi những cuộc hành quân xuống phía nam. Như thế, họ đã loại bỏ được chướng ngại đầu tiên khi xâm nhập nước ta, mà tổ tiên họ đã phải tốn bao nhiêu xương máu để vượt qua, nhưng không có cách gì giữ được, và cuối cùng đều bị đẩy lui về phía bên kia cửa ải.

Trong phần trả lời của mình, ông Lê Công Phụng còn nói rằng *“rất nhiều lực lượng thù địch từ bên ngoài đang tìm cách gây khó khăn cho chính phủ và nhân dân chúng ta trong việc phát triển quan hệ đối ngoại”* (nguyên văn),(35) Sự thật, chính những đảng viên CSVN (trong nước), trung thành với tổ quốc hơn là trung thành với đảng, lên tiếng phản đối đầu tiên chứ chẳng phải là *“lực lượng thù địch từ bên ngoài.”* Điều này do đảng CSVN tự tạo ra vì nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội ký kết hiệp ước nhượng đất của tổ tiên, tài sản chung của toàn dân, mà không tham khảo ý kiến dân chúng, giấu kín và không công bố cho mọi người biết, là một việc làm hoàn toàn ám muội. Người Việt dù ở trong hay ngoài

nước đều bất bình khi được tin ải Nam Quan đã mất. Phản đối việc này là lương tâm, là tiếng nói tự đáy lòng của bất cứ người Việt ở bất cứ đâu trên toàn thế giới. Khi CSVN kêu gọi người Việt ở hải ngoại về đầu tư hay gửi tiền về đầu tư, thì nói là “nắm ruột ở xa”, còn ký hiệp ước nhượng đất bị phản đối thì cho là *“lực lượng thù địch từ bên ngoài đang tìm cách gây khó khăn...”*.

5.- MẤT HƠN 8% DIỆN TÍCH VỊNH BẮC VIỆT

Một phần vì tin tức đã bị tiết lộ ra ngoài, một phần vì liên hệ đến tàu thuyền quốc tế qua lại trên vịnh Bắc Việt, nên do sự thúc bách của CHNDTH muốn công khai hóa sự thừa nhận chủ quyền lãnh hải của Trung Hoa, CSVN mới giao cho ông Lê Công Phụng, thứ trưởng Ngoại giao CSVN, viết bài “Hiệp định phân định vịnh Bắc Bộ và hiệp định hợp tác nghề cá giữa Việt Nam – Trung Quốc trong vịnh Bắc Bộ”, tiết lộ cho biết một số điểm trong hiệp ước này, trên tạp chí *Cộng Sản*, số 2 tháng 1-2001.

Theo ông Lê Công Phụng, CHNDTH không chấp nhận đường phân chia hải phận vịnh Bắc Việt trong *Thoả ước phân định biên giới Hoa Việt* ký kết tại Bắc Kinh (Pékin) ngày 26-6-1887 dưới triều đình nhà Mãn Thanh.(36) Trong thoả ước này, khoản 2 nói về việc phân chia lãnh hải, được tạm dịch như sau:

“Tại Quảng Đông, đồng thoả thuận rằng những điểm tranh cãi nằm về phía đông và đông bắc Mông Cái, phía bên kia biên giới giống như đã được Ủy ban Hoạch định Biên giới ấn định, thuộc về Trung Hoa; những đảo nằm về phía đông kinh tuyến Paris 105°43’ đông [tức kinh tuyến Greenwich 108 độ 03 phút 18 giây đông], nghĩa là đường thẳng bắc

nam ngang qua mũi đông đảo Teh'a Kou hay Ouanchau (Trà-Cổ), và tạo thành đường biên giới, cũng đều thuộc về Trung Hoa. Những đảo Go-tho [Gò Thố?] và những đảo khác ở phía tây của kinh tuyến này thuộc về Việt Nam...”(37)

Nhà cầm quyền CSTH cho rằng thỏa ước này bất công và đòi phân chia lại vịnh Bắc Việt. CHXHCNVN vì yếu thế đành nhượng bộ. Xin hãy nghe người trong cuộc, ông Lê Công Phụng, kể lại trong bài đã dẫn đăng trên tạp chí *Cộng Sản*, Hà Nội, số 2 tháng 1-2001: “*Trong quá trình đàm phán, hai bên đã vận dụng các nguyên tắc như sau để giải quyết: một là căn cứ vào quy định của công ước Luật biển 1982 của Liên Hiệp Quốc [38] cũng như các nguyên tắc luật pháp quốc tế và tập quán được công nhận rộng rãi; hai là hai bên tính đến các đặc thù của vịnh Bắc Bộ như sự hiện diện của các đảo, chiều dài bờ biển v.v...; ba là, việc giải quyết vấn đề phân định phải xuất phát từ thực trạng cũng như nhu cầu phát triển quan hệ giữa hai nước; bốn là bảo đảm nguyên tắc công bằng và chiếu cố lợi ích của nhau. Về diện tích, phía Trung Quốc kiên trì chủ trương đại thể chia đôi,[39] thừa nhận ta có thể hình hơn nhưng không đáng kể. Ta chủ trương giải pháp công bằng phải phù hợp với các hoàn cảnh hữu quan trong vịnh như sự hiện diện của các đảo của ta,[40] chiều dài bờ biển của ta lớn hơn v.v...”*

Cuối cùng rồi CSVN phải thuận theo những áp đặt của CSTH. Kết quả là phân chia hải phận mới không còn là đường thẳng cũ, mà là một đường gãy khúc nối liền bởi những đường thẳng ngắn dọc theo các hải đảo.

So với đường phân chia lãnh hải theo kinh tuyến Paris 105 độ 43 phút đông (tức kinh tuyến Greenwich 108 độ 03 phút 18 giây đông) của hiệp ước 1887, thì đường phân chia

mới này, phía bắc đảo Bạch Long Vỹ lấn một ít về phía Trung Hoa, nhưng từ đảo này trở xuống thì lấn khá nhiều qua phía Việt Nam.

Vịnh Bắc Việt rộng 126.250 km². So với cách phân chia lãnh hải ngày 26-6-1887 thời Pháp thuộc (Việt Nam được 62%, Trung Hoa được 38%), cách phân chia lãnh hải ngày 25-12-2000 (Việt Nam được 53,23%, Trung Hoa được 46,77%) đã làm cho Việt Nam mất trên 8% diện tích vịnh Bắc Việt, tương đương với khoảng trên 10.000 km². Thế mà chỉ dựa trên hai số liệu 53,23% và 46,77%, ông Lê Công Phụng tự mãn rằng “*Ta hơn Trung Quốc 6,46% tức khoảng 8205 km².*” (nguyên văn bài đã dẫn)

Theo đường phân chia mới trên vịnh Bắc Việt, đảo Bạch Long Vỹ chỉ còn cách hải phận CSTH 15 hải lý. Đảo này rộng khoảng 3 km², tuy nhỏ nhưng Bạch Long Vỹ rất quan trọng về kinh tế cũng như về quốc phòng.

Về kinh tế, vùng biển khu vực Bạch Long Vỹ có nhiều hải sản, nhất là bào ngư, có giá trị dinh dưỡng cao mà người Việt rất thích dùng. Hiện nay, người ta được biết đáy biển vùng này có nhiều tiềm năng về chất đốt mà chưa được khai thác.

Về quốc phòng, Bạch Long Vỹ giữ vị trí chiến lược tiền tiêu để bảo vệ Bắc Việt. Thời Pháp thuộc, Pháp đã đặt một đơn vị hải quân ở đây kiểm soát tàu bè đi lại trên vịnh Bắc Việt. Theo tuyên truyền của CSBV, trong thời gian chiến tranh trước năm 1975, “*quân và dân đảo đã bắn rơi 23 máy bay Mỹ, đánh đuổi 3 tàu chiến xâm phạm chủ quyền của ta.*”(41)

Trong bài viết của mình, ông Lê Công Phụng cũng nêu rõ điểm này: “*Phần vịnh phía ta có khoảng 1300 hòn đảo ven bờ, đặc biệt có đảo Bạch Long Vỹ nằm cách đất liền nước ta khoảng 110 km, cách đảo Hải Nam (Trung Quốc) khoảng 130 km. Vịnh có vị trí chiến*

lược quan trọng đối với Việt Nam và Trung Quốc về an ninh và quốc phòng...” (bài đã dẫn).

Đảo Bạch Long Vỹ vừa nhỏ, vừa chơ vơ nằm ngoài biển cả, cách nước ta khoảng 110 cây số và cách hải phận Trung Hoa theo hiệp ước mới chỉ có khoảng 15 hải lý, nghĩa là nằm trong mối đe dọa thường trực của hải quân CSTH. Vị trí chiến lược này sẽ rơi vào tay CSTH dễ dàng nếu xảy ra tranh chấp giữa hai bên.

Trong lịch sử, các nhà cầm quyền Trung Hoa đều luôn luôn muốn bành trướng xuống Đông Nam Á, chẳng những họ tấn công Việt Nam bằng đường bộ, mà họ còn gửi hạm đội đi vòng xuống Biển Đông để tấn công và gây ảnh hưởng đối với các nước tại vùng này.⁽⁴²⁾ Tuy nhiên, trên đường bộ, lực lượng xâm lược Trung Hoa bị kẹt lại ở cửa ải Nam Quan; còn trên đường thủy họ cũng chẳng thành công. Đã từng có lần Đại Việt đã giúp Chiêm Thành đẩy lui quân nhà Nguyên. Ngày nay, CSTH vượt qua ải Nam Quan, có nghĩa là họ bắt đầu mở được cánh cửa đường bộ tràn xuống phía nam. CSTH còn mở rộng chủ quyền trên Biển Đông, chiếm Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam, giúp họ kiểm soát dễ dàng sự đi lại trên biển này. Đây không phải là thất bại của Việt Nam, mà còn đe dọa đến các nước Đông nam Á, và là một báo động chung cho toàn thể Á Châu cũng như thế giới.

6.- TRÁCH NHIỆM TRƯỚC LỊCH SỬ

Một câu hỏi được đặt ra là tại sao nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội đã nhượng đất cho CHNDTH một cách dễ dàng như vậy?

Theo lý luận của các đại diện CHNDTH trong cuộc thương thuyết về lãnh hải, khi Pháp ký hiệp ước với triều đình Mãn Thanh, Pháp đang ở thế mạnh, còn Trung Hoa đang yếu

thế và bị các cường quốc Âu Châu xâm xé, nên phải chấp nhận bản đồ lãnh thổ cũng như lãnh hải do Pháp đưa ra. Thật ra, trước kia, các triều đại Trung Hoa cho rằng vịnh Bắc Việt, mà họ gọi là “Giao Chỉ Dương” (Chiao-Chih Ocean), là của Việt Nam, họ không lý tới. Thậm chí, các triều đình Trung Hoa cũng chẳng mấy quan tâm đến đảo Hải Nam. Cho đến thời nhà Thanh, ngoài các hòn đảo nhỏ và ngành đánh cá, người ta chưa biết gì về tiềm năng dưới lòng biển, nên không thấy sự quan trọng của vịnh Bắc Việt. Do đó, khi Pháp cắt một phần đất thuộc tỉnh Lai Châu đền bù một cách bất hợp pháp cho Trung Hoa, nhà Thanh liền ký kết hiệp ước năm 1887 với Pháp. Nhà Thanh đã nhập phần đất này vào tỉnh Vân Nam.⁽⁴³⁾ Nếu CHNDTH đặt lại vấn đề lãnh hải vịnh Bắc Việt, tại sao CHXHCNVN không đặt lại vấn đề lãnh thổ Lai Châu mà Pháp đã cắt đi một cách bất hợp pháp cho nhà Thanh?

Trên đất liền, không nghe một giải thích nào cụ thể từ nhà cầm quyền hai nước tại sao phải phân chia lại biên giới? Dư luận báo chí ở Trung Hoa cho rằng CHXHCNVN nhượng vùng đất phía bắc sông Kỳ Cùng và Bằng Giang cho CHNDTH để đổi lấy viện trợ xây dựng những dự án kỹ nghệ trong lãnh vực thủy điện, hơi đốt, khai thác quặng mỏ, đồng thời gia tăng việc giao dịch buôn bán giữa hai nước.

Câu hỏi đặt ra là những viện trợ kể trên có thật tối cần thiết, thúc bách đến độ phải đem di sản thiêng liêng do tiền nhân để lại, ra trao đổi với các viện trợ đó và nhượng bán cho bắc phương không? Hơn nữa, nếu những viện trợ kể trên thật sự ích lợi cho toàn dân, tại sao đảng CSVN không công khai vấn đề và tham khảo ý kiến của toàn dân qua một cuộc trưng cầu dân ý? Đất đai do tổ tiên để

lại là tài sản chung của toàn dân, chứ không phải của riêng đảng CS, do đó chỉ có toàn dân Việt Nam mới có quyền quyết định về những vấn đề liên quan đến lãnh thổ và lãnh hải bằng cuộc trưng cầu dân ý rộng rãi, tự do và dân chủ.

Mới đây, trong khi trả lời Đài phát thanh Little Sài Gòn Radio ở Orange County, California trong ngày thứ Năm 24-2-2002, ông Nguyễn Thanh Giang, một nhà hoạt động chính trị trong nước, cho rằng các lãnh tụ đảng CSVN đã bị CHNDTH lừa khi ký hiệp định về biên giới Việt Hoa. Ông Giang nói: *“Trung Cộng xảo quyết giả vờ đưa ô dù cho Lê Khả Phiêu. Vì lợi riêng, ông này đã hiến đất cho Trung Cộng để được bảo trợ.”*(44)

Vấn đề không đơn giản ở chỗ chỉ một mình ông Lê Khả Phiêu (tổng bí thư 1998-2001) bị đánh lừa và hiến đất. Việc thương thuyết để ký kết hai hiệp ước trên không phải chỉ diễn ra giữa hai người, hoặc chỉ diễn ra trong một vài giờ, hay một vài ngày, mà nói rằng CHNDTH đã lừa được ông Phiêu? Đây là kết quả của một quá trình lâu dài bắt đầu từ thời Hồ Chí Minh cho đến ngày nay. Chính một nhân vật cộng sản quan trọng, ông Vũ Khoan đã từng viết trên *Tap chí Cộng Sản*, số Tết Canh Thìn (2000) rằng ngay từ năm 1949, đã từng có *“một số lần ... trao đổi ý kiến, đàm phán về vấn đề biên giới.”* (đã dẫn ở trên).

Trước hết, như trên đã nói, ngay từ thời chiến tranh 1946-1954, Hồ Chí Minh và lãnh đạo đảng Lao Động Việt Nam đã làm ngơ cho quân CHNDTH tràn sang biên giới. Sau đó, trong cuộc chiến xâm lăng miền Nam (1954-1975), để được viện trợ quân sự, Bắc Việt cộng sản đã đồng lõa để cho CHNDTH xâm chiếm các hải đảo Việt Nam Cộng Hoà, tức là các hải đảo Việt Nam nói chung.

Nguyên khi Châu Ân Lai (Chou En-lai, 1898-1976) công bố ranh giới biển 12 hải lý từ bờ biển ngày 4-9-1958, thì mười ngày sau, Phạm Văn Đồng, thủ tướng Bắc Việt cộng sản, đương nhiên với sự đồng ý của Hồ Chí Minh và Bộ chính trị đảng Lao Động, tiền thân của đảng CSVN, đã ký **quốc thư ngày 14-9** nhìn nhận ranh giới biển nói trên của CHNDTH, nghĩa là gián tiếp công nhận chủ quyền của CHNDTH trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa lúc đó thuộc chủ quyền Việt Nam Cộng Hoà. Như thế Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng và đảng CSVN đã chính thức dâng đất cho CHNDTH mà tổ tiên đã dày công xây dựng và bảo vệ. Chính vì vậy, sau hiệp ước Paris năm 1973, nghĩa là sau khi Hoa Kỳ quyết định rút quân ra khỏi Việt Nam Cộng Hoà, CHNDTH cho hải quân đổ bộ và chiếm các đảo Hoàng Sa. Hải Quân Việt Nam Cộng Hoà đánh trả mãnh liệt vào ngày 19-1-1974, nhưng do chiến thuyền trang bị vũ khí kém hơn, đành phải rút lui, và từ đó Hoàng Sa hoàn toàn mất vào tay CHNDTH mà CSVN không một lời phản đối.

Khi cần dồn quân xuống đánh miền Nam, Bắc Việt cộng sản đã mời quân đội CHNDTH vào bảo vệ an ninh từ khu Việt Bắc xuống tới Hà Nội, và giao cho CHNDTH in bản đồ địa lý Việt Nam loại chi tiết với tỷ lệ 1/1000.(45) Đưa 300.000 quân đóng từ Việt Bắc, nghĩa là từ biên giới Việt Hoa, xuống tới Hà Nội, CHNDTH đã hoàn toàn kiểm soát vùng này, và chắc chắn họ đã thực hiện những động tác cần thiết để chuẩn bị lấn biên, giành đất như đưa thêm dân đến sinh sống dọc theo biên giới...(46)

Trong cuộc chiến Việt Hoa (1979), quân đội CHNDTH lại tiến thêm một bước nữa, di dời các cột mốc vùng biên giới tiến sâu vào đất Việt Nam ở nhiều nơi. Có tài liệu cho

biết trong thời gian chiến tranh Việt Nam trước năm 1975, khi Hồ Chí Minh còn sống, để dễ tiếp tế cho Bắc Việt, CSTH và CSVN cùng đồng ý thiết lập đường xe lửa giao nhau ở biên giới Nam Quan để chuyển hàng. Vì trong thời gian chiến tranh, kỹ thuật kém, nên phía Bắc Việt làm không kịp. Sau khi làm xong phần mình, CSTH đề nghị giúp làm đường sắt tiếp tục sâu qua phần đất Việt Nam. CSVN hoàn toàn đồng ý sự giúp đỡ hào phóng của CSTH. Những người đi xe lửa qua Trung Hoa trong thời gian này đều xác nhận đổi tàu trong nội địa Việt Nam. Khi rút quân sau trận đánh năm 1979, CSTH cho dời cột mốc đến đầu đường sắt của họ đã làm trước 1975 trong đất Việt Nam. Sau đó họ lý luận rằng đất Việt Nam chỉ kéo dài tới đầu đường xe lửa Việt Nam mà thôi, chứ làm sao trên đất Việt Nam lại có đường sắt của Trung Hoa.(47)

Khi cầu thân trở lại với CHNDTH sau cuộc chiến, CSVN và nhà cầm quyền CHXH CNVN đang ở trong thế yếu kém, phải xin liên minh với CHNDTH để tồn tại cũng như duy trì và bảo vệ quyền lực, là cơ hội tốt cho nhà cầm quyền Bắc Kinh áp đặt việc biên giới trên bộ và trên biển, bằng một hiệp ước công khai chính thức, và hiệp ước đó ra đời cuối năm 1999 và cuối năm 2000.

Trong bài báo đã dẫn trên của ông Lê Công Phụng, đăng trên tạp chí *Cộng Sản* số tháng 1-2001 và đã được chính CSVN đưa lên mạng lưới thông tin quốc tế, thì: “ Vào các năm 1957, 1961 và 1963 hai nước có ký các thỏa cho phép thuyền buồm của hai bên được đánh bắt trong vịnh... Trong các năm 1974 và 1977-1978, hai nước tiến hành 2 vòng đàm phán về phân định... Hai nước đã ký “Thỏa thuận về các nguyên tắc cơ bản giải quyết vấn đề biên giới – lãnh thổ giữa Việt Nam và Trung Quốc” ngày 19-10-1993... Thực

hiện thỏa thuận đó, từ 1993 đến năm 2000, hai bên đã triển khai 7 vòng đàm phán cấp chính phủ, 3 cuộc gặp giữa hai Trưởng đoàn đàm phán cấp chính phủ và 18 vòng đàm phán cấp chuyên viên... Trong các chuyến thăm Trung Quốc vào năm 1997 của đồng chí tổng bí thư Đỗ Mười và tháng 2-1999 của đồng chí tổng bí thư Lê Khả Phiêu, lãnh đạo cao cấp hai nước đạt được thỏa thuận là khẩn trương đàm phán để giải quyết vấn đề biên giới trên đất liền trước năm 2000 và hoàn thành việc phân định để ký hiệp định vịnh Bắc Bộ trong năm 2000...”

Như thế, theo những gì các nhà lãnh đạo đảng CSVN cho phép ông Lê Công Phụng tiết lộ, thì vấn đề thương thuyết biên giới tái tục từ năm 1993. Chúng ta đừng quên câu viết ngoại giao rất mơ hồ của ông Lê Công Phụng: “... việc giải quyết vấn đề phân định phải xuất phát từ thực trạng cũng như nhu cầu phát triển quan hệ giữa hai nước...”. Thực trạng cũng như quan hệ giữa hai nước CHNDTH và CHXHCNVN hiện nay như thế nào? Những người cộng sản thường hay dùng nhóm chữ “các nước xã hội chủ nghĩa anh em”, nhưng thực chất quan hệ giữa CHNDTH và CHXHCNVN hiện nay là quan hệ giữa kẻ mạnh và kẻ yếu, nếu không muốn nói là quan hệ thực dân và thuộc địa kiểu mới, hay quan hệ giữa chủ nợ và con nợ, trong đó con nợ đã từng muốn vỗ nợ (xù nợ) khi theo Liên Xô năm 1978, nên phải nhận lãnh bài học của ông Đặng Tiểu Bình (Deng Xiaoping, 1904-1997), nhân vật quyền thế nhất CSTH sau thời kỳ Mao Trạch Đông.

Có lẽ cần nhắc lại trong thời gian bang giao giữa hai bên căng thẳng, ngày 30-7-1979, một viên chức ngoại giao CHNDTH tiết lộ cho biết từ 1954 đến 1971, 300.000 binh sĩ CHNDTH đã chiến đấu bên cạnh binh

sĩ Bắc Việt, trong đó hàng ngàn người đã tử trận và hàng chục ngàn người đã bị thương. Ông ta còn xác định số lượng vũ khí CHNDTH viện trợ cho cộng sản Việt Nam từ 1950 đến 1977 lên đến 2.000.000 súng hạng nhẹ, 27.000 đại pháo, 270 triệu băng đạn, 18 triệu đạn đại pháo, 179 máy bay và 145 chiến hạm.(48) Người Trung Hoa tính rằng số viện trợ này tương đương với khoảng 20 tỷ Mỹ kim theo thời giá lúc đó.

Như thế, **việc nhượng đất và nhượng biển** là một tiến trình liên tục từ các ông Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, đến các ông Lê Khả Phiêu, Nông Đức Mạnh (tổng bí thư từ 2001), **vì quyền lợi và tham vọng riêng tư của đảng CSVN, hay vì tham quyền cố vị của những cá nhân lãnh đạo đảng**, có tính toán kỹ lưỡng lâu dài, chứ không phải dễ dàng bị đánh lừa như ông Nguyễn Thanh Giang đã trả lời trên đài Little Sài Gòn Radio.

Đây chính là kết quả của chính sách do Hồ Chí Minh và tập đoàn lãnh đạo đảng CSVN theo đuổi, đi theo con đường cộng sản quốc tế, làm tay sai cho ngoại bang, liên tục gây ra chiến tranh ý thức hệ, khiến cho nhân dân lầm than, đói khổ, bây giờ lại mất đất vào tay “người đồng chí cộng sản” phương bắc. Điều này cho thấy **chủ nghĩa quốc tế cộng sản chỉ là cái chiêu bài bề ngoài của chủ nghĩa dân tộc bá quyền mà thôi.**

Đứng về phía Trung Hoa, chiếm được ngọn đèn chiến lược có ải Nam Quan, cửa ngõ đi xuống phía nam, là kết quả một cuộc đầu tư lâu dài và bền bỉ của “tình đồng chí chiến đấu” giữa hai đảng CS anh em. Những cuộc tấn công vũ bão của vua chúa Trung Hoa ngày trước cũng như của Đặng Tiểu Bình năm 1979 không mấy thành công bằng **kế hoạch tầm thực** (49) rất tinh vi, ẩn náu trong

lớp vỏ bọc chủ nghĩa quốc tế cộng sản. Kế hoạch tầm thực rất nguy hiểm, vì sau ải Nam Quan, CHNDTH sẽ từ từ lấn xuống đến một lúc nào đó sẽ nuốt trọn tỉnh Lạng Sơn rồi xuống châu thổ Hồng Hà.

Lãnh thổ và lãnh hải Việt Nam là di sản do tổ tiên để lại cho toàn thể dân chúng Việt Nam, và là tài sản của toàn dân Việt Nam, có tính cách thiêng liêng, bất khả phân, bất khả nhượng. Ca dao chúng ta có câu: “*Ai ơi chớ bỏ ruộng hoang, Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu.*” Trong nông nghiệp, mỗi tấc đất là mỗi tấc vàng, nhưng trong lịch sử dân tộc, mỗi tấc đất không phải chỉ là mỗi tấc vàng. Mỗi tấc đất là mỗi di sản, là mỗi kỷ vật, mang hình ảnh bi hùng của bao nhiêu công khó, bao nhiêu mồ hôi, nước mắt, bao nhiêu xương máu, tim óc của tiền nhân qua hàng ngàn năm, để chúng ta có được tấc đất này ngày hôm nay.

7.- KẾT LUẬN

Tóm lại, câu chuyện ải Nam Quan lọt vào tay CHNDTH và sự ký kết *Hiệp ước về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc* (30-12-1999) và *Hiệp ước phân định lãnh hải* (25-12-2000) cho thấy:

* Pháp bảo hộ Việt Nam từ 1884 đến 1954. Trong thời gian này, dân tộc chúng ta bị mất độc lập, mất chủ quyền chính trị, nhưng đất nước của chúng ta được vẹn toàn, kể các quần đảo xa xôi Hoàng Sa và Trường Sa,(50) chỉ trừ một vùng ở Lai Châu mà Pháp đã cắt đi một cách bất hợp pháp giao cho Trung Hoa để đổi lấy việc ký kết hải phận trên vịnh Bắc Việt. Tuy nhiên cuộc trao đổi này hai bên cùng có lợi. Nay nước nhà gọi là được độc lập, nhưng chính nhà cầm quyền Việt Nam hiện thời lại cắt đất, nhượng đảo và cắt biển giao cho ngoại bang bắc phương,

mà không mang lại một lợi ích thực tiễn nào cả cho dân chúng. Vùng đất bị cắt giao lại là một cửa ngõ chiến lược trọng yếu vang danh trong lịch sử nước nhà. Vùng đảo và biển mất đi chẳng những là khu vực tiền tiêu bảo vệ bờ biển, mà còn phong phú về hải sản và giàu tiềm năng chất đốt.

* Vì tham vọng quyền lực cá nhân, Hồ Chí Minh và một số thuộc hạ du nhập hệ thống đảng trị cộng sản chuyên chế vào Việt Nam, hoạt động cho quyền lợi của Đệ tam Quốc tế Cộng sản, chẳng những gây chiến tranh, đói khổ cho đồng bào, mà còn làm tiêu hao tài sản tổ tiên, nhượng đất cho ngoại bang để đổi lấy súng ống, vũ khí nhắm bành trướng chủ nghĩa. Cần chú ý việc cắt, nhượng biển chỉ do một thiểu số lãnh đạo thi hành để bám lấy địa vị lãnh đạo độc tôn đảng trị.

* Đảng CSVN cai trị đất nước một cách độc tài, xem thường pháp luật. Điều 4 hiến pháp Hà Nội năm 1992 cho phép đảng CSVN đứng trên pháp luật. Họ xem đất nước là của riêng họ. Ông Hồ Chí Minh viết di chúc giao đất nước lại cho thuộc hạ giống như một phú ông giao tư điền cho con cháu. Nay nhóm lãnh đạo CSVN tự ý cắt đất, cắt biển nhượng cho bắc phương mà không cần tham khảo ý kiến của bất cứ ai. Việc tranh chấp đất đai, biên giới, biển cả giữa hai nước có thể kéo dài cả chục năm, hay cả trăm năm mà không dễ giải quyết. Đảng này nhóm lãnh đạo CSVN hiện nay ký kết hiệp ước nhượng đất nhượng biển một cách nhanh, chóng chóng tỏ họ đang ở tình thế rất khó khăn liên quan đến sự sống còn của đảng CSVN, hay đúng hơn là sự sống còn của địa vị nhóm lãnh đạo tối cao trong đảng. Một lần nữa, hai bản hiệp ước nhượng đất và nhượng biển cho thấy đảng CSVN luôn luôn đặt quyền lợi và tham vọng đảng phái lên trên quyền lợi của đất

nước.

* Đặc quyền đặc lợi của nhóm lãnh đạo quá lớn, chẳng những nắm toàn quyền về chính trị mà còn nắm toàn quyền về kinh tế tài chánh.⁵¹ Do đó, nội bộ đảng CSVN thường hay tranh chấp với nhau để giành lấy quyền lãnh đạo đảng. Sự tranh chấp quyền lực đưa đến sự phân hóa trong đảng và đưa đến hai hệ quả: Thứ nhất đối nội, giới lãnh đạo đương quyền cương quyết gạt bỏ tất cả mọi ý kiến bất lợi cho địa vị và quyền lực của họ, nhất là những đề nghị nới rộng quyền tự do dân chủ, và nếu cần thì họ thẳng tay thanh trừng,⁵² từ đó làm suy yếu nội lực. Thứ nhì đối ngoại, nhóm lãnh đạo đảng CSVN phải nhờ đến sự tiếp tay của các đảng CS đàn anh như Liên Xô trước đây và CHNDTH ngày nay, để bảo vệ địa vị. Điều đó có nghĩa là họ chỉ dựa vào thế lực nước ngoài để cai trị, do đó khi thế lực này sụp đổ thì họ bị chao đảo theo. Khi nhờ như thế, các lãnh tụ thường hứa hẹn với các nước trên những điều mình sẽ thực hành sau khi nắm được quyền lãnh đạo đảng. Đó cũng là một trong những lý do ngấm ngấm để đưa đến việc ký kết các hiệp ước cắt đất nhượng biển cho CHNDTH.

* Trước việc đàn áp những bất đồng chính kiến trong nội bộ đảng, nhất là những đòi hỏi về tự do dân chủ, nhiều đảng viên đã bỏ đảng. Nay sự kiện ải Nam Quan lọt vào tay CHNDTH khiến cho những người trong hệ thống đảng CSVN, nhưng trung thành với tổ quốc hơn là trung thành với đảng, ý thức được quyền lợi đất nước đã bị xâm phạm thô bạo nên đã lên tiếng báo động và phản đối mạnh mẽ nhóm lãnh đạo, làm cho sự rạn nứt trong đảng CSVN càng ngày càng lớn hơn. Rồi đây, sẽ có rất nhiều đảng viên nữa thức tỉnh để quay trở về với đại bộ phận dân tộc. Không ai muốn phục vụ cho một

đảng chính trị bán nước, chỉ trừ một thiểu số vì muốn được hưởng một chút quyền lợi, địa vị nhất thời mà quên đi lương tri dân tộc, mới chạy theo đảng CSVN.

* Từ trước đến nay, đảng CSVN luôn luôn tuyên truyền giành lấy chính nghĩa, luôn luôn tự hào rằng họ là lực lượng dân tộc tiến bộ yêu nước, và kết tội tất cả những thành phần đối lập từ năm 1945 cho đến nay là Việt gian, phản quốc, tay sai ngoại bang, ngụy quyền, ngụy quân ... Nay nhà cầm quyền cộng sản CHXHCNVN nhượng đất và nhượng biển qua hai hiệp ước trên, là bằng chứng cụ thể không thể biện minh và không thể chối cãi được tội lỗi phản quốc, bán nước cầu vinh (mãi quốc cầu vinh) của đảng CSVN và nhà cầm quyền CHXHCNVN. Đây là tội lỗi lớn nhất trong lịch sử Việt Nam do tập đoàn lãnh đạo đảng CSVN thực hiện, lớn hơn tất cả tội lỗi của những tên tuổi đã bị lịch sử lên án phản quốc như Trần Di Ái, Trần Ích Tắc, Lê Chiêu Thống ... **Những nhà lãnh đạo đảng CSVN phải chịu trách nhiệm trước dân tộc và trước lịch sử hành vi nhượng đất, nhượng biển** cho ngoại bang, đã bị cấm ngặt theo điều 74 của bộ *Quốc triều hình luật* đã được ban hành từ thời vua Lê Thánh Tông (trị vì 1460-1497).(53)

* Một trong những điều kiện giúp các đảng CS trên thế giới nói chung, và đảng CSVN nói riêng có thể lộng hành, là họ luôn luôn bí mật hành động, giấu diếm hành tung, lại dùng bộ máy thông tin tuyên truyền che đậy và ngụy trang một cách kín đáo, rồi tự ý giải thích, tùy thích tung hỏa mù, gây nhiễu xạ, làm cho không ai biết được sự thật ở đâu.

Cộng sản đã tận dụng một bí quyết tâm lý mà triết gia Sigmund Freud (1856-1939) đã từng đề cập đến: nói láo được lập đi lập lại nhiều lần, lúc đầu có thể bị nghi ngờ, sau

người ta tưởng là “thật”, và cuối cùng người ta tin rằng đó là “sự thật”, vì có quá nhiều người nói đến, quá nhiều lần lặp lại. Chẳng những thế, chính người nói láo cũng nhập tâm và tin đó là sự thật.

Ngày nay khoa học kỹ thuật tiến bộ vượt bậc, nhất là ngành truyền thông viễn liên, nên các đảng CS nói chung và đảng CSVN nói riêng không còn có thể che giấu những hành động đen tối gian trá được nữa. Mọi sự thật được phơi bày nhanh chóng trước công luận. Dân chúng không còn dễ bị lừa phỉnh như trước. Ví dụ việc CSVN nhượng đất ải Nam Quan với những tin tức, hình ảnh cụ thể loan truyền nhanh chóng và đầy đủ trên mạng lưới thông tin quốc tế, không còn có thể che giấu hay chối cãi. Trước áp lực của truyền thông, những kẻ lãnh đạo CSVN đành phải uỷ cho ông thứ trưởng Ngoại giao viết báo và trả lời phỏng vấn vào đầu năm 2002 để biện minh cho những hành động sai trái của mình. Dầu biện minh quanh co, ông thứ trưởng cũng đã thú nhận ải Nam Quan cùng hơn 10.000 km² vịnh Bắc Việt đã mất vào tay bắc phương.

Chính sự phát triển của ngành truyền thông giúp thế giới bên ngoài và cả dân chúng trong các nước cộng sản biết rõ tình hình và diễn tiến chính trị tại các nước Đông Âu, theo dõi, cổ vũ và hỗ trợ các cuộc biểu tình địa phương, đưa đến sự sụp đổ của các chế độ cộng sản tại đây vào cuối thập niên 80 và đầu thập niên 90. Điều đó có nghĩa là cuộc cách mạng của ngành truyền thông đã đạt được một kết quả, mà có lẽ những nhà khoa học không tiên liệu, là đã thúc đẩy mạnh mẽ cuộc cách mạng chính trị tại các nước cộng sản.

Chắc chắn rồi đây điều đó sẽ tái diễn trên các nước CS còn lại, trong đó có Việt Nam.

Chỉ có sự giải thể chế độ cộng sản hiện nay ở Việt Nam, thay thế bằng một chính quyền dân chủ, đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân, mới có thể tạo sức mạnh dân tộc tổng lực, để đặt lại và đòi lại vùng đất Nam Quan và hàng ngàn cây số trên mặt biển Bắc Việt trở về với tổ quốc. Lịch sử cho thấy nhiều lần Trung Hoa sang xâm lăng, chiếm đóng đất nước chúng ta, có khi trong thời gian dài, nhưng cuối cùng tổ tiên chúng ta đã quật cường đánh đuổi quân xâm lăng Trung Hoa.

Việc đòi lại đất Nam Quan ngày nay tuy có thể khó hơn ngày trước, nhưng không thể nói là không thể xảy ra, một khi tại nước ta có một chế độ biết đoàn kết nội lực toàn dân như dưới thời nhà Trần hay dưới thời Lê Lợi, Quang Trung. Khi VNCH sụp đổ năm 1975, không ai tiên liệu rằng khối Liên Xô và Đông Âu tan rã trong vòng 15 năm sau.

* Cuối cùng, chuyện ải Nam Quan đã mất là tin buồn cho đất nước, nhưng đồng thời lại cảnh tỉnh đối với toàn bộ dân chúng Việt Nam, ở quốc nội cũng như ở hải ngoại, ở trong đảng cũng như ở ngoài đảng CSVN. Không có một người Việt Nam nào có thể thờ ơ với việc đất đai của tổ tiên bị cắt ra để giao khống cho ngoại bang. Sự kiện này là một ngọn lửa hâm nóng lại ý thức dân tộc và tạo sự đoàn kết nơi mọi người, đốt cháy những hào quang giả tạo của đảng CSVN, cũng như báo hiệu sự cáo chung của hệ thống đảng trị cộng sản trong nước.

TRẦN GIA PHỤNG
(Toronto, 19-2-2002)

CHÚ THÍCH:

1. Theo các số liệu ngày nay, ải Nam Quan cách thành phố Lạng Sơn khoảng 17 cây số về phía bắc.

2. Gia Tĩnh: niên hiệu duy nhất của vua Minh Thế Tông (trị vì 1522-1566).

3. Ung Chính (Yung-chen): niên hiệu duy nhất của vua Thanh Thế Tông (trị vì 1723-1735).

4. Theo *Từ điển Việt Pháp* của J.F.M. Genibrel, Nhà in Tân Định, Sài Gòn, 1898, Nxb. Khai Trí, Sài Gòn, chụp in lại năm 1973, thì 1 trượng = 10 xích; 1 xích = 0,487 m.; vậy 1 trượng = 4,87 m. Theo những dịch giả bộ *Cương mục* thì: 1 trượng = 10 thước, 1 thước Tàu = 0,3333 thước tây, vậy 1 trượng = 3,33 m. (Quốc sử quán triều Nguyễn, *Việt sử thông giám cương mục*, viết tắt là *Cương mục*, bản dịch Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội 1957, sđd. tr. 160.)

5. Càn Long (Ch'ien-lung): niên hiệu duy nhất của vua Thanh Cao Tông (trị vì 1736-1795).

6. *Đại Nam nhất thống chí*, viết tắt *ĐNNTC*, Phạm Trọng Diễm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Thuận Hóa, 1997, tập 4, tt. 384-385.

7. Cảnh Hưng: niên hiệu duy nhất của vua Lê Hiển Tông (trị vì 1740-1786)

8. *ĐNNTC*, sđd. tr. 385.

9. Các bộ chính sử bắt đầu đề cập đến ải Pha Luỹ khi chép việc Trương Phụ đem quân tấn công nước ta năm 1406 (binh tuất), tuy quân Trung Hoa đã qua lại ải này trước đó nhiều lần. Theo bộ *Cương mục*, ải Pha Luỹ (Nam Quan) ở xã Đồng Đăng, huyện Văn Uyên, tỉnh Lạng Sơn. (*Cương mục*, bản dịch đã dẫn, tr. 741.)

10. Nhạn Môn Quan, mang tên này vì nơi đây có nhiều chim nhạn, ở tỉnh Tuy Viễn, giáp Mông Cổ, cửa ải cực bắc Trung Hoa. Nhạn Môn Quan nổi tiếng với câu chuyện "Chiêu Quân cưỡi Hổ". Chiêu Quân, tên là Vương Tường, cung phi của vua Trung Hoa là Hán Nguyên Đế (trị vì 48-33 TCN). Hán Nguyên Đế có nhiều cung phi, sai Mao Diên Thọ vẽ hình cung phi cho vua tuyển chọn. Chiêu Quân tự tin mình đẹp, không chịu rút lót tiền bạc cho Mao Diên Thọ. Khi Diên Thọ vẽ Chiêu Quân, y thêm một nốt ruồi lên khuôn mặt, rồi nói với nhà vua rằng Chiêu Quân dù đẹp nhưng có nốt ruồi sát phu, vua không nên gán. Nguyên Đế tin thật. Lúc đó, vua Hung Nô ở phía bắc đang thế mạnh, yêu cầu vua Hán phải gởi cống phẩm cùng một cung phi đẹp. Diên Thọ

muờ cùng các gian thần gởi Chiêu Quân ra đi. Khi triều yết nhà vua để từ biệt, Hán Nguyên Đế mới biết Chiêu Quân là tuyệt thế giai nhân, không có nốt ruồi nơi mặt, nhưng việc đã rồi, không thay người khác được, đành phải để Chiêu Quân ra đi. Tương truyền rằng Chiêu Quân chẳng những đẹp mà có tài văn thơ. Khi qua Nhận Môn Quan, cửa ải cuối cùng phía bắc nước Trung Hoa, Chiêu Quân xót xa cho thân thế, cảm tác nhiều bài thơ rất cảm động. “Chiêu Quân cống Hồ” (Hồ tức là Hung Nô) trở thành đề tài cho văn nhân thi sĩ Trung Hoa cũng như Việt Nam. (Câu 479 trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du “*Quá quan nấy khúc Chiêu Quân*”).

11. * Chữ “mục” trong Hoa ngữ có ba cách viết với ba nghĩa khác nhau: Mục (thuộc bộ ngưu, 8 nét) có nghĩa là người nuôi trâu bò, gia súc (ví dụ “mục đồng”: đứa trẻ chăn nuôi). Mục (5 nét) là con mắt (ví dụ “mục kích”: chính mắt trông thấy). Mục (thuộc bộ mục, 13 nét) nghĩa là hòa thuận (ví dụ “mục lân”: xóm giếng hòa hợp). Mao Trạch Đông dùng chữ “Mục Nam Quan” trong nghĩa chữ “mục” chót. (Xin cảm ơn Thầy Nguyễn Khắc Kham và anh Trần Huy Bích đã góp ý sửa lại sai lầm của người viết trong bài đăng báo lần đầu.)

* Về sau, danh xưng “Hữu Nghị Quan” được dùng để chỉ các cửa ải khác giữa CHXHCNVN và CHNDTH, ví dụ ải ở Lào Cai cũng gọi là “Hữu Nghị Quan. Điều nầy dễ hiểu, ví dụ nước ta nơi nào có núi đá giống hình mẹ bồng con đều được đặt tên là núi “Vọng Phu”. Có ít nhất bốn nơi mang tên “Vọng Phu”: Lạng Sơn, Thanh Hóa, Bình Định, Khánh Hòa (vùng núi giáp Phú Yên). CSVN rất mong giữ tình hữu nghị với CSTH nên cửa ải nào giữa hai nước cũng đặt là “Hữu Nghị Quan”.

* Vì CHNDTH đã chiếm ải Nam Quan, nên ngày nay, tại Lạng Sơn, phía nam ải Nam Quan đã mất, có một “Hữu Nghị Quan” mới giữa hai nước.

12. Bên Trung Hoa, Chu Toàn Trung lật đổ nhà Đường năm 907, lập ra nhà Hậu Lương (907-923). Năm 908 (mậu thìn), nhà Hậu Lương đặt Lưu Ẩn là tiết độ sứ Thanh Hải (Quảng Châu),

kiêm tiết độ sứ Tĩnh Hải (Giao Châu) nhằm để lấy lại nước cổ Việt. Lưu Ẩn qua đời năm 911 (tân mùi), em là Lưu Cung (hay Nham, Yêm) lên thay. Lưu Cung tự xưng đế, đặt quốc hiệu là Nam Hán năm 917 (đinh sửu)

13. Lời “chua” của *Cương mục*, *sdd* tt. 166-167: “*Bãi dẫu từ sông Lục Đầu thuộc địa hạt tỉnh Bắc Ninh phân lưu chảy vào địa hạt tỉnh Hải Dương: một chi theo Mỹ Giang, một chi theo Châu Cốc Sơn, hai chi hợp lại ở xã Doan Lễ. Khúc sông hợp lại nầy gọi là sông Bạch Đằng. Sông Bạch Đằng phía nam giáp giới huyện Thủy Đường, tỉnh Hải Dương; phía bắc giáp giới huyện Yên Hưng tỉnh Quảng Yên; chuyển về phía nam 29 dặm, đổ ra cửa biển Nam Triệu. Theo sách Địa lý chí [Dư địa chí] của Nguyễn Trãi, sông Bạch Đằng còn có tên gọi nữa là sông Vân Cừ, rộng hơn 2 dặm, ở đó có nhiều núi cao ngất, nhiều ngành sông đổ lại, sông còn man mác giáp tận chân trời, cây cối um tùm che lấp bờ bên, thực là một nơi hiểm yếu về đường biển.*”

Theo Nguyễn Khắc Ngữ trong *Việt Nam, đất nước mến yêu*, Văn Hoá, Montréal, 1984, tr. 128, sông Bạch Đằng nay gọi là sông Đà Bạch, một thoát lưu của sông Thái Bình.

14. Jennifer Holmgren, *Chinese Colonisation of Northern Vietnam*, Australian National University Press, Canberra, 1980, tr. 14.

15. Hữu Ngọc, Nguyễn Đức Hiền, *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn* [Hoàng Xuân Hãn toàn tập], Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 1998, tr. 418. [Sách nầy in lại toàn bộ tác phẩm của giáo sư Hoàng Xuân Hãn.]

16. Vùng sông Lục Nam gặp sông Thương, nay thuộc tỉnh Hải Dương.

17. Theo *Cương mục*, Nội Bàng ở Lạng Sơn (bản dịch, *sdd*. tr. 524), nhưng học giả Đào Duy Anh, di nghiên cứu tại chỗ, cho rằng Nội Bàng có thể ở xã Chú, tỉnh Bắc Giang, bên cạnh Lạng Sơn. (Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, in lần thứ 2, 1997, tr. 246.)

18. Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, in lần thứ 7, Nxb. Tân Việt, Sài Gòn, 1964, tr. 207.

19. *Đại Việt sử ký toàn thư*, viết tắt là *Toàn thư*, bản dịch của Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội,

1993, tập 2, tr. 272, 276.

20. *Toàn thư*, bản dịch, tập 3, tr. 122-123.

21. *Toàn thư*, bản dịch tập 3, tr. 121. *Cương mục*, bản dịch, tr. 1338. *Cương mục* đã dựa vào *Quảng Yên sách*, cho rằng động An Lương thuộc châu Vạn Ninh, vẫn còn của nước ta, và cho rằng *Toàn thư* chép lầm.

22. Hoàng Xuân Hãn, “Việt Thanh chiến sử”, đăng lại trong Hữu Ngọc, Nguyễn Đức Hiền, *sđđ*. tr. 1341.

23. Điều 4 chương 1 Hiến pháp năm 1992 của CHXHCNVN xác nhận vai trò lãnh đạo tối cao của đảng CSVN. Sau đây là nguyên văn điều này: “*Đảng cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Mọi tổ chức của đảng hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật.*”

24. Theo lý thuyết chiến tranh du kích, du kích quân luôn luôn cần đến một hậu cứ an toàn để ẩn nấp, bảo toàn lực lượng khi bị truy đuổi. Lãnh thổ Trung Hoa là hậu cứ an toàn cho Việt Minh cộng sản chạy trốn khi bị truy đuổi. Quân đội Quốc Gia và quân đội Pháp không thể xâm phạm lãnh thổ Trung Hoa.

25. Bài của ông Vũ Khoan được ông Ngô Nhân Dụng trích dẫn trong bài bình luận “Mốc Mới”, nhật báo *Người Việt Online*, California, ngày 27-01-2002.

26. COMECON: Council for Mutual Economic Assistance tức Hội đồng Tương trợ Kinh tế được thành lập năm 1949 tại Moscow, gồm Liên Xô và các nước cộng sản chư hầu. Khối kinh tế này sụp đổ năm 1990 cùng với sự sụp đổ của các nước cộng sản Đông Âu.

27. Bùi Xuân Quang, *La troisième guerre d'Indochine 1975-1999: Sécurité et géopolitique en Asie du Sud-Est*, Nxb. L'Harmattan, Paris, 2000, tr 308.

28. Lúc đó, người viết bài này đang ở Đà Nẵng. Một diễn viên trong đoàn xiếc Hải Phòng,

lên biên giới phía bắc trình diễn giúp vui cho quân dân sau chiến tranh, đã kể lại cho người viết rằng ít nhất 20 năm sau, Việt Nam chưa có thể xây dựng lại Lạng Sơn như trước khi đánh nhau với Trung Hoa. Lời nói đó, bây giờ thấy đúng.

29. Bài viết của ông Lý Công Luận từ Hà Nội ngày 4-2-2002, được *Việt Báo Online*, California, đăng lại số 2496, ngày 6-2-2002.

30. Nguyễn Thanh Giang trả lời phỏng vấn ngày 24-2-2002 của Đài Phát thanh Little Sài Gòn, Orange County, California. *Người Việt Online*, ngày 25-1-2002, mục “Tin Việt Nam”.

31. Lê Công Phụng [thứ trưởng Ngoại giao Hà Nội, trưởng đoàn thương thuyết Việt Nam], “Hiệp định phân định vịnh Bắc Bộ và hiệp định hợp tác nghề cá giữa Việt Nam – Trung Quốc trong vịnh Bắc Bộ”, tạp chí *Cộng Sản*, Hà Nội, số 2 tháng 1-2001.

32. Nguyễn Văn Canh, “Việc thi hành hiệp ước biên giới 1999”, *Việt Báo Online*, California ngày 22-1-2002. [Ông Nguyễn Văn Canh, tiến sĩ Luật, Giáo sư Đại học Luật Khoa Sài Gòn trước năm 1975, hiện là thành viên Hoover Institute, Đại học Stanford.]

33. Nguyên văn bản văn này được đưa lên liên mạng thông tin quốc tế: tạp chí *Việt Nam Dân Chủ*, tháng 12-2001, <http://www.lmvntd.org/dossier/0111knghi.htm>.

34. Trần Đại Sỹ, “Bí mật vụ hiến đất dâng biển”, Bản văn được chuyển qua Liberty Flame, lưu trên Internet theo địa chỉ <http://groups.yahoo.com/group/HoiNghiv/message/17582> (*Viet Bao Online*, ngày 14-1-2002 trích đăng lại). Địa chỉ của ông Trần Đại Sỹ: số 5, Place Félix Éboué, 75012 Paris, France.

Theo ông Trần Đại Sỹ, khi được chia 38 % trên vịnh Bắc Việt, nhà Thanh rất mừng vì từ trước, người Trung Hoa coi vịnh Bắc Việt là của Việt Nam.

35. Bài phỏng vấn ông Lê Công Phụng ngày 28-1-2002 của đại diện do Công Ty Phát Triển Phần Mềm (VASC Orient) thực hiện ở Hà Nội được đưa lên internet theo địa chỉ vnn.vn/pls/news/VASC_Orient. Trong *Diễn đàn Dân Chủ Forum*,

<http://danchu.net>, có đăng lại bài phỏng vấn này.

36. Lê Công Phụng “Hiệp định phân định vịnh Bắc Bộ và hiệp định hợp tác nghề cá giữa Việt Nam – Trung Quốc trong vịnh Bắc Bộ”, *bài đã dẫn*.

37. Trích bản hiệp ước ngày 26-6-1887 từ tài liệu “France, code No. 95886, *Recueil des traités conclus par la France en Extrême Orient*”, dạng microfilm, tại Grande Bibliothèque Nationale de France [Đại Thư Viện Quốc Gia Pháp]. [Do ông Nguyễn Ngọc Quỳnh, Paris, Pháp, cung cấp. Xin cảm ơn ông Quỳnh.] Xin xem bản chụp lại hiệp ước ngày 26-6-1887 phía dưới. Nguyên văn đoạn này: “*Au Kouang Tong, il est entendu que les points contestés qui sont situés à l'est et au nord-est de Monkai, au dela de la frontière telle qu'elle a été fixée par la Commission de délimitation, sont attribués à la Chine; les îles qui sont à l'est du méridien de Paris 105°43' de longitude est, c'est à dire de la ligne nord-sud passant par la pointe orientale de l'île de Teh'a Kou ou Ouanchau (Tra-co) et formant la frontière, sont également attribuées à la Chine. Les îles Go-tho et les autres îles qui sont à l'ouest de ce méridien appartiennent à l'Annam...*”

Tiến trình hoạch định biên giới Việt Hoa lúc đó như sau: 1) Trước hết, *Hiệp ước hoà bình, hữu nghị và thương mại* ký tại Thiên Tân (Tie-Tsin) ký ngày 9-6-1885 giữa Pháp (Jules Patenôtre đại diện) và triều đình nhà Thanh (Si Tchen, Li Hong-Chang (Lý Hồng Chương) và Teng Tcheng Sieou đại diện) gồm 10 điều, trong đó điều 3 quy định trong vòng 6 tháng kể từ ngày ký kết hiệp ước, đại diện hai bên sẽ làm việc để xác định biên giới Việt Hoa. 2) Sau 2 năm làm việc, Pháp (Ernest Constans đại diện) và triều đình nhà Thanh (hoàng thân K'ing đại diện) ký kết *Thỏa ước phân định biên giới Hoa Việt* tại Bắc Kinh (Pékin) ngày 26-6-1887. 3) Ngày 25-6-1895, Pháp (Auguste Gérard đại diện) và Trung Hoa (do hoàng thân K'ing đại diện) ký kết *Thỏa ước bổ túc Thỏa ước phân định biên giới Hoa Việt* ký tại Bắc Kinh (Pékin) ngày 26-6-1887, ấn định cụ thể hơn một số điểm về biên giới giữa Vân

Nam (Trung Hoa) và Tây bắc Bắc Việt.

Trên vịnh Bắc Việt, nếu phân chia theo kinh tuyến Paris là 105 độ 43 phút đông (tức kinh tuyến Greenwich 108 độ 03 phút 18 giây đông), tính ra Việt Nam được 62% và Trung Hoa 38% vịnh Bắc Việt. (Tạp chí *Lướt Sóng*, “Sau khi mất đất, Việt Nam mất tới biển: Hơn một nửa vịnh Bắc Việt thuộc Trung Cộng”, *Việt Báo Online*, California, đăng lại, ngày 28-1-2002.)

38. Luật biển Liên Hiệp Quốc (United Nations Convention on the Law of the Sea, viết tắt UNCLOS hay LOS Convention), ban hành ngày 10-12-1982, thi hành ngày 16-11-1994, theo đó những nước có bờ biển lờm chờm sẽ dùng những “đường thẳng căn bản” (baseline) nối liền các mũi đất và hải đảo để phân chia.

39. CSTH chủ trương chia hai vịnh Bắc Việt, có nghĩa là tính từ đảo Hải Nam của Trung Hoa đến bờ biển Bắc Việt.

40. Phía CSVN nói đến sự hiện diện của các đảo, có nghĩa là phân chia giữa đảo cực đông của Việt Nam là Bạch Long Vỹ và đảo Hải Nam của Trung Hoa.

41. Nguyễn Văn Tân, *Từ điển địa danh lịch sử văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1999, tr. 81.

42. * Năm 1282, vua Mông cổ là Hốt Tất Liệt (Qubilai) sai tướng Toa Đô (Sogatu) đem quân từ Quảng Châu xuống đánh cửa Thị Nại (Vinaya, Quy Nhơn ngày nay) để thực hiện kế hoạch xuống Đông Nam Á. Theo *Nguyên sử*, nhà Trần đã gửi hai vạn quân cùng 500 chiến thuyền giúp đỡ vua Chiêm. (Hà Văn Tấn, Phan Thị Tâm, *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ 13*, in lần thứ ba, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1972, tr. 167, chú thích số 1.)

* Dưới triều đại Minh Thành Tổ (trị vì 1403-1424), Trung Hoa nhiều lần gửi hạm đội do Trịnh Hòa (Cheng Ho) chỉ huy qua tận phía đông Phi Châu để buộc các nhà cai trị ở đây triều cống. (Edwin O. Reischauer, John K. Fairbank, *East Asia: The Great Tradition*, Houghton Mifflin Company, Boston, 1960, tr. 321.)

43. Tạp chí *Lướt sóng* tháng 1-2002, *Việt Báo Online* đăng lại ngày 28-1-2002.

44. Bản tin nhật báo *Người Việt Online*, California, ngày 25-01-2001.

45. Nguyễn Minh Cần, *Công lý đòi hỏi*, Nxb. Văn Nghệ, California, 1997, tr. 114.

46. Theo nhà văn Hoàng Tiến (hiện còn sống trong nước), thì vào năm 1954 hai bên ả có quân đội hai nước canh gác, nhưng về sau, CHNDTH cho dân tràn lấn qua xây cất nhà cửa phía bên lãnh thổ Việt Nam. Viện lý do dân chúng mới tràn lấn muốn thuộc quyền hành chính của họ, CHNDTH xem đất đó là đất của họ. (Dương Thái Sơn, "Vấn đề cộng sản bán nước và chiến lược đấu tranh", *Việt Báo Online*, 24-1-2002.)

47. Bài viết của ông Lý Công Luận từ Hà Nội ngày 4-2-2002, được *Việt Báo Online*, California, đăng lại số 2496, ngày 6-2-2002.

48. Jacques Massu, Jean-Julien Fonde, *L'aventure Việt-Minh*, Nxb. Plon, Paris, 1980, tr. 293, phần chú thích.

49. Tầm thực: Tầm là dâu, thực là ăn. Kế hoạch tầm thực là kế hoạch thực hiện từ từ, lan truyền dần dần như con tầm từ từ ăn hết lá dâu này đến lá dâu khác.

50. Tại hội nghị San Francisco ký kết hiệp ước *Hoà bình và Phòng thủ chung* giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản ngày 8-9-1951, khi Nhật Bản tuyên bố từ bỏ chủ quyền các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà Nhật Bản đã chiếm trong thế chiến 2, thủ tướng Trần Văn Hữu (1896 - ?), trưởng đoàn Đại biểu Quốc Gia Việt Nam tại hội nghị đã đọc diễn văn xác nhận chủ quyền của Việt Nam trên các quần đảo này, và không một nước nào phản đối.

51. Nhân dịp kỷ niệm 90 tuổi, luật sư Hoàng Cơ Thụy đã đưa ra bản "Tuyên ngôn hưng quốc", viết tại Antony (ngoại ô Paris) từ ngày 10 đến 17 tháng 12-2001, trong đó có đoạn ông viết về tài sản các uỷ viên Bộ chính trị đảng CSVN như sau: "*Theo nghiên cứu hồi cuối năm 2000 của một số chuyên viên ngân hàng, thì tài sản của 18 tên Việt Cộng chớp bu đã vợ vét được tới nay là (VC Politburo's Networth, Internet Thursday December 21, 2000): 1) Lê Khả Phiêu (1 tỷ 170 triệu mỹ kim); 2) Trần Đức Lương (1 tỷ 130 tr.); 3) Phan Văn Khải (1 tỷ 200 tr.); 4) Nông Đức*

Mạnh (135 tr.); 5) Nguyễn Văn An (143 tr.); 6) Nguyễn Tấn Dũng (1 tỷ 480 tr.); 7) Nguyễn Mạnh Cẩm (1 tỷ 150 tr.); 8) Nguyễn Đức Bình (140 tr.); 9) Phạm Thế Duyệt (1 tỷ 173 tr.); 10) Nguyễn Thị Xuân Mỹ (117 tr.); 11) Trung tướng Phạm Văn Trà (1 tỷ 136 tr.); 12) Trung tướng Lê Minh Hương (156 tr.); 13) Lê Xuân Tùng (116 tr.); 14) Trương Tấn Sang (1 tỷ 124 tr.); 15) Phạm Thanh Ngân (12 tr.); 16) Nguyễn Minh Triết (197 tr.); 17) Phan Diễn (156 tr.); 18) Nguyễn Phú Trọng (140 tr.) (Tài liệu rút từ Internet) (Chú ý: danh sách này gồm những uỷ viên Bộ chính trị khóa 8, và trước khi diễn ra Đại hội 9 tháng 4-2001. Danh sách này cũng thiếu những uỷ viên cũ của Bộ chính trị như Đỗ Mười, Nguyễn Văn Linh, Võ Văn Kiệt, Lê Đức Anh, Mai Chí Thọ... Xin ghi lại để nghiên cứu thêm.)

52. Như trong thập niên 60 và 70, xảy ra vụ án mà tên gọi do đảng CSVN đặt là "Vụ án Tổ chức chống Đảng, chống Nhà nước ta, đi theo chủ nghĩa xét lại hiện đại và làm tình báo cho nước ngoài", và ngày nay, đảng CSVN đang cô lập những thành phần bất đồng chính kiến như Trần Độ, Hoàng Minh Chính...

53. Nguyễn Ngọc Huy, *Quốc triều hình luật* (phiên âm, dịch nghĩa và chú thích), Việt Publisher Thư Quán, Hoa Kỳ, 1989, tr. 189. Lê Thánh Tông rất chú ý việc bảo vệ biên giới:

* Năm 1460 (canh thìn), nhà vua ra sắc chỉ cho các quan phủ, lộ, trấn, châu, huyện rằng: "*Ai ở cõi biên giới thì phải giữ quan ái cẩn thận, không được thông đồng với người nước ngoài.*" (Toàn thư, bản dịch tập 2, tr. 391.)

* Năm 1467 (đinh hợi) Sầm Tố Đức, một viên quan nhà Minh qua cướp bóc phủ Bắc Bình (trước thuộc Thái Nguyên, sau thuộc Cao Bằng), Lê Thánh Tông sai quan đi kiểm tra, bắt trị tội các quan địa phương không phòng bị biên giới cẩn thận. (Toàn thư, bản dịch tập 2, tr. 419.) Sau đó, Lê Thánh Tông hạ sắc dụ cho các quan ở Lạng Sơn và vùng biên giới rằng:

"*Quan coi giữ bờ cõi của triều đình, cố nhiên phải giữ đối yên dân, đánh ngăn giặc ngoài là chức phận của mình.*" (Toàn thư, bản dịch tập 2, tr. 422.)